

SĐC

239



ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ RIỀNG

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
(1930 - 2020)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
(1930 - 2020)**

**ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ RIỀNG**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
(1930 - 2020)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Hà Nội - 2020

**CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ RIỀNG**

BAN CHỈ ĐẠO

Đồng chí Trần Văn Lân
Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy - Trưởng ban
Đồng chí Bùi Quốc Minh
Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy - Phó ban Thường trực
Đồng chí Lê Tấn Nam
Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện - Phó ban
Đồng chí Nguyễn Thị Lan Anh
Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy,
kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện - Phó ban
Đồng chí Phạm Hồng Công
Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy - Thành viên
Đồng chí Nguyễn Thanh Xuân
Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy - Thành viên
Đồng chí Lê Văn Tuấn
Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy - Thành viên
Đồng chí Nguyễn Thanh Minh
Huyện ủy viên, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch - Thành viên

BAN BIÊN SOẠN

Đồng chí Nguyễn Thị Lan Anh
Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện
Đồng chí Hoàng Văn Bính
Huyện ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
Đồng chí Nguyễn Thanh Danh
Phó Trưởng phòng Lý luận - Văn hóa - Lịch sử Đảng
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
Đồng chí Nguyễn Anh Đức
Phó Trưởng phòng Tuyên truyền - Tổng hợp
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
Đồng chí Đặng Quang Trung
Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
Đồng chí Đỗ Thị Minh An
Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

TỔ THƯ KÝ

Đồng chí Hoàng Văn Bính
Huyện ủy viên, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
Đồng chí Nguyễn Thị Mai Tuyền
Kế toán Văn phòng Huyện ủy

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Huyện Phú Riềng được thành lập theo Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chia tách địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập, thành lập huyện Phú Riềng và đi vào hoạt động từ ngày 01/8/2015, là một trong 11 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Bình Phước.

Nhân dân huyện Phú Riềng từ nhiều địa phương trên cả nước hội tụ về. Cộng đồng những người dân tộc thiểu số như Xtiêng, Khmer, Tày, Nùng đã cùng với những người Kinh đến đây lao động, đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt để sinh tồn, tạo lập xóm làng, đấu tranh chống áp bức ở các đồn điền cao su. Họ đã kết nối thành một khối thống nhất, cùng nhau xây dựng nên những truyền thống vô cùng quý báu, đó là tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, cần cù chịu thương chịu khó hòa quyện với tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, anh dũng, kiên cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, trong bảo vệ và xây dựng đất nước.

Từ đốm lửa cách mạng đầu tiên của chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập vào đêm ngày 28/10/1929 tại Làng 3 Đồn điền Cao su Phú Riềng, đã nhen nhóm thành ngọn lửa cách mạng mạnh mẽ, lan rộng khắp trong khu vực. Tinh thần “Phú Riềng Đỏ” đã tiếp sức mạnh cho Đảng bộ và Nhân dân Phú Riềng đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến, góp phần làm nên thắng lợi to lớn của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Nhân dân Phú Riềng vừa ra sức xây dựng căn cứ, ủng hộ đóng góp nuôi quân, vừa làm trinh sát giao liên, giúp lực lượng kháng chiến vượt qua khó khăn, giành nhiều thắng lợi vang dội. Đảng bộ và Nhân dân Phú Riềng

đã góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đánh bại dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp.

Hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và Nhân dân trong huyện đã đoàn kết một lòng, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để vươn lên giành những thắng lợi quan trọng như diệt ác phá kềm, củng cố và mở rộng vùng giải phóng (1961-1965), hình thành vùng căn cứ Phú Riềng - Bù Nho - Phước Long; đấu tranh chống địch tìm diệt và bình định (1965-1968), kiên cường bám trụ, giữ vững vùng căn cứ; chống phá bình định, bảo vệ và củng cố vùng giải phóng, góp phần giải phóng Phước Long (1969-1975), tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Bước vào thời kỳ hòa bình, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sau đó là thực hiện đường lối Đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và Nhân dân Phú Riềng đã tiếp tục vượt qua những khó khăn thử thách, giữ vững và phát huy tốt truyền thống đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, nỗ lực xây dựng và phát triển quê hương giàu mạnh, cùng Nhân dân cả nước thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để góp phần ghi dấu những chiến công vang dội trong đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc và quê hương, cùng những thành quả trong lao động, sản xuất của Nhân dân huyện Phú Riềng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện trong suốt 90 năm qua, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân huyện Phú Riềng (1930-2020)***, do Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Riềng chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, biên soạn.

Nội dung cuốn sách trình bày khái quát những đặc điểm về mảnh đất, con người, truyền thống lịch sử; về quá trình thành lập, phát triển và lãnh đạo Nhân dân đạt được những thành tựu to lớn, vẻ vang qua các thời kỳ cách mạng và trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay của Đảng bộ huyện Phú Riềng tỉnh Bình Phước.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Huyện Phú Riềng là vùng đất có bề dày truyền thống yêu nước và cách mạng vẻ vang. Theo chiều dài lịch sử, góp phần cùng với Nhân dân cả nước, Nhân dân Phú Riềng đã viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc.

Cách đây hơn 90 năm, vào đêm ngày 28/10/1929, tại Làng 3, Đồn điền cao su Phú Riềng thuộc địa bàn xã Thuận Lợi quận Phú Riềng, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ được thành lập dưới sự chỉ đạo của đồng chí Ngô Gia Tự. Chi bộ gồm 6 thành viên, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đồng thời cũng là chi bộ cộng sản đầu tiên của ngành cao su Việt Nam. Việc thành lập chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đầu tiên trên vùng đất thuộc quận Phú Riềng đã trở thành niềm tự hào của các thế hệ Nhân dân Phú Riềng.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng, cuộc bãi công những ngày đầu tháng 02/1930 của công nhân Cao su Phú Riềng đã giành thắng lợi. Đây là cuộc bãi công lớn nhất trong số các cuộc đấu tranh của quần chúng công nhân lúc đó, gây được tiếng vang trong cả nước và trên thế giới, làm nên “Phú Riềng Đỏ” anh hùng. Trải qua lịch sử hơn 90 năm, địa danh Phú Riềng Đỏ đã góp phần tô thắm truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc. Từ cái nôi “Phú Riềng Đỏ”, truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng của

Nhân dân Phú Riềng tiếp tục được phát huy trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và trong công cuộc xây dựng quê hương theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phú Riềng Đỏ mãi mãi là niềm tự hào, là trang sử vàng của Nhân dân huyện Phú Riềng nói riêng, của Nhân dân Bình Phước và của công nhân ngành cao su Việt Nam nói chung.

Ghi lại quá trình hình thành và phát triển của mảnh đất, con người Phú Riềng, ghi lại chặng đường đầy gian khổ, hy sinh song rất đổi vẻ vang và tự hào với những chiến công hiển hách trong đấu tranh, những thành tựu to lớn trong xây dựng quê hương của Đảng bộ và Nhân dân Phú Riềng kể từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đến nay là việc làm quan trọng và hết sức cần thiết. Mỗi trang sử hào hùng đều thấm đượm máu đào, mồ hôi, nước mắt và công sức của bao người. Các thế hệ hôm nay và ngày mai cần phải ghi nhớ, trân trọng và không được phép lãng quên. Tất cả những tư liệu lịch sử sẽ được tập hợp thành tài liệu nghiên cứu và giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân Phú Riềng, để mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện, nhất là thế hệ trẻ thêm tự hào và có trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng quê hương Phú Riềng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương; với sự giúp đỡ của bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước và các đồng chí nguyên lãnh đạo địa phương; được các cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng bào trong cũng như ngoài huyện nhiệt tình hỗ trợ, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Riềng đã tiến hành sưu tầm tư liệu và biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân huyện Phú Riềng (1930-2020)*.

Để đáp ứng nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện, đồng thời thiết thực chào mừng Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ huyện Phú Riềng, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân huyện Phú Riềng (1930-2020)*.

Việc sưu tầm và biên soạn lịch sử địa phương là một công việc yêu cầu tính khoa học cao, nhiều khó khăn và phức tạp, nhất là trong vấn đề sưu tầm và xử lý tài liệu, do đó cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Chúng tôi mong nhận được sự góp ý của đồng chí, đồng bào để tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung, sửa chữa cuốn sách cho lần xuất bản sau.

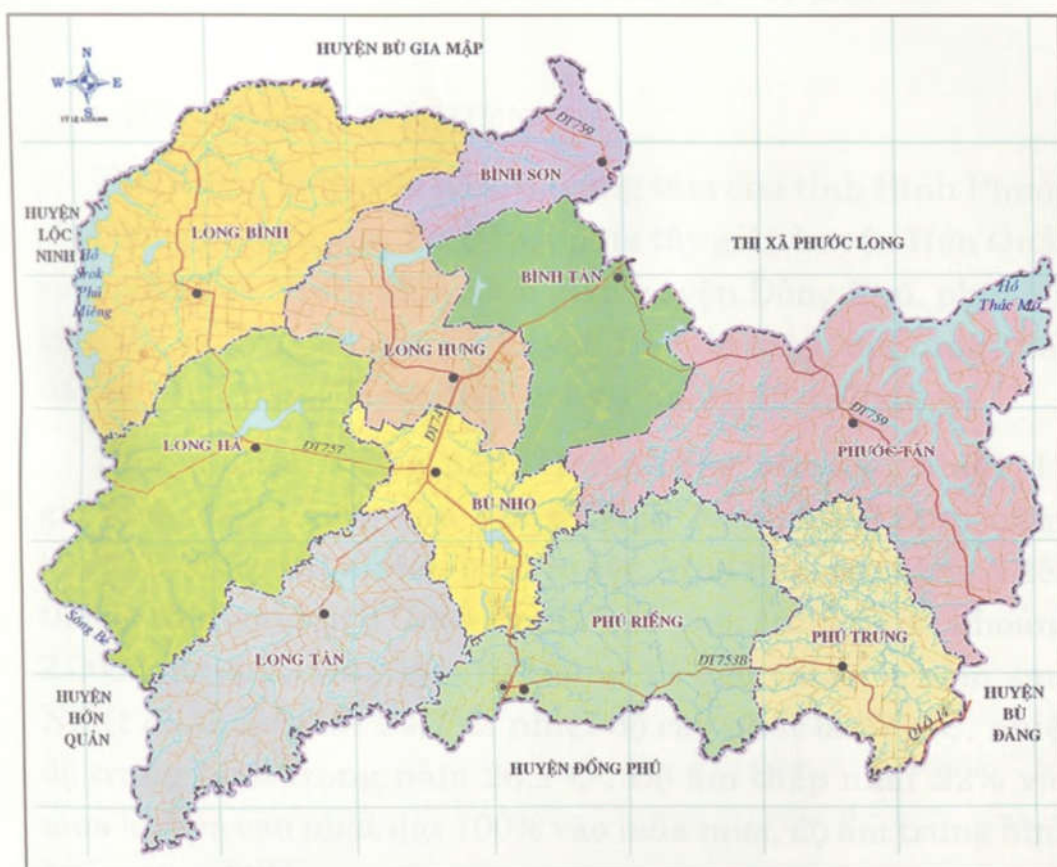
Nhân dịp này, thay mặt Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Riềng, xin chân thành cảm ơn các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh Bình Phước; cán bộ hưu trí trên địa bàn huyện Phước Long, Bù Gia Mập, Phú Riềng; các cơ quan, đơn vị, các đồng chí, đồng bào đã giúp đỡ chúng tôi trong quá trình sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách quý này.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

Trần Văn Lân

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN PHÚ RIỀNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC



Mở đầu

VÙNG ĐẤT PHÚ RIỀNG QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

Phú Riềng là huyện nằm ở trung tâm của tỉnh Bình Phước, phía đông giáp huyện Bù Đăng, phía tây giáp huyện Hớn Quản và huyện Lộc Ninh, phía nam giáp huyện Đồng Phú, phía bắc giáp thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập, địa hình thấp dần về phía nam. Tổng diện tích tự nhiên 67.497ha¹.

Huyện Phú Riềng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ. Trong năm, khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 dương lịch, lượng mưa khá cao, trung bình khoảng 2.000mm/năm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ thấp nhất 24,7°C, nhiệt độ cao nhất là 27,4°C, nhiệt độ trung bình trong năm 26,1°C². Độ ẩm thấp nhất 22% vào mùa khô và cao nhất đạt 100% vào mùa mưa, độ ẩm trung bình hằng năm: 70%.

Lượng mưa hằng năm kéo dài 6 - 7 tháng, là nguồn cung cấp nước ngọt chủ yếu phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn. Trên địa bàn Phú Riềng chủ yếu có các con suối nhỏ. Ngoài ra, huyện còn có hệ thống hồ, đập, bầu cung cấp một phần

1, 2. Theo Cổng thông tin điện tử huyện Phú Riềng, <http://phurieng.binhphuoc.gov.vn/index.php?language=vi&nv=about>.

nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân.

Đất đai ở Phú Riềng là đất bazan, nâu xám, thích hợp với các cây công nghiệp nhiệt đới, có giá trị kinh tế cao như cao su, tiêu, điều, cà phê.

II. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, HẠ TẦNG CƠ SỞ

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của huyện. Các vùng chuyên canh cây công nghiệp được hình thành góp phần cung cấp nguồn hàng xuất khẩu quan trọng của huyện. Rau, hoa màu được trồng vào mùa mưa nhưng diện tích không đáng kể, năng suất thấp. Việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhất là vào mùa khô.

Hệ thống giao thông của huyện Phú Riềng được đầu tư, nâng cấp khá đồng bộ. Trục đường số 2 (nay là ĐT741) dài hơn 20km nối thành phố Đồng Xoài với thị xã Phước Long được thực dân Pháp xây dựng từ đầu thế kỷ XX nhằm phục vụ việc khai thác cao su và phục vụ chiến tranh. Ngày nay, đường ĐT741 là cầu nối Bình Phước với các thị trường lớn như Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai. Đây là con đường có vai trò quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, huyện còn có tuyến đường ĐT 753B (còn gọi là DH312) dài 9,6km từ ngã tư xã Phú Riềng đi qua xã Phú Trung nối với Quốc lộ 14. Phú Riềng còn có hệ thống đường liên xã, liên thôn được nhựa hóa và bê tông hóa nối liền với các xã trong và ngoài huyện tạo thành một mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc đi lại cũng như việc giao lưu, trao đổi hàng hóa với các địa phương.

Hệ thống điện lưới trên địa bàn huyện đã hoàn thiện với 100% xã, thôn được hòa vào lưới điện quốc gia. Thông tin liên lạc chủ yếu phát triển mạnh ở khu vực trung tâm của xã hoặc các điểm dân cư dọc theo các trục giao thông chính. Mạng lưới

viễn thông phát triển mạnh góp phần phủ sóng điện thoại khắp xã, thôn đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của người dân.

III. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

Huyện Phú Riềng được thành lập theo Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chia tách địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập, thành lập huyện Phú Riềng và đi vào hoạt động từ ngày 01/8/2015, là một trong 11 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Bình Phước.

Từ cuối thế kỷ XVII khi hình thành huyện Phước Long dinh Trấn Biên phủ Gia Định, địa bàn Phú Riềng thời ấy hoang vu chưa có người ở. Suốt thế kỷ XIX, từ khi lục tỉnh Nam Kỳ thuộc nền hành chính triều Nguyễn, đến khi chính quyền thuộc địa hình thành và thay thế nền hành chính lục tỉnh bằng nền hành chính 21 tỉnh, hạt mới, vẫn chưa có ghi chép gì về huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa nói chung và địa bàn Phú Riềng nói riêng.

Năm 1832, nhà Nguyễn đổi đất “Ngũ trấn” (Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên) thành “Nam kỳ lục tỉnh” (Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên). Theo đó, trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa. Vào năm 1837, tỉnh Biên Hòa gồm 2 phủ là Phước Long và Phước Tuy, trong đó phủ Phước Long gồm 4 huyện là Phước Chính, Bình An, Phước Bình và Nghĩa An. Địa bàn Phú Riềng vào thời điểm này thuộc huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa¹.

1. Theo *Biến đổi hành chính của Phước Long qua các thời kỳ*, Trang thông tin điện tử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước, <http://tuyengiaobinhphuoc.org.vn/m/bien-doi-hanh-chinh-cu-a-phuo-c-long-qua-cac-thoi-ky>.

Đầu thế kỷ XX, sau thời gian thăm dò khảo sát vùng đất biên giới, thực dân Pháp chính thức thiết lập bộ máy cai trị ở đây với sự ra đời của đồn binh Phú Riềng. Lúc này, Phú Riềng vẫn thuộc tỉnh Biên Hòa.

Năm 1911, khi trồng thử nghiệm thành công cây cao su, thực dân Pháp cho lập Công ty cao su Xétxô (Société des Caout Choues d'Extrême Orient - S.C.C.E.O), đồng thời người Pháp cho thành lập nhiều đồn điền cao su ở vùng Phú Riềng - Phước Long.

Năm 1912, Pháp lập đại lý hành chính trong vùng đồng bào dân tộc Xtiêng quanh khu vực núi Bà Rá - Phước Long, lấy tên là Đại lý Sông Bé, để quản lý hành chính và tổ chức phòng thủ về quân sự.

Năm 1924, Pháp thành lập quận Bà Rá thay thế cho Đại lý Sông Bé. Vùng xung quanh Bà Rá - Phước Long, trong đó có Phú Riềng ngày nay, thuộc quận Bà Rá, tỉnh Biên Hòa.

Năm 1925, Pháp đổi tên quận Bà Rá thành quận Phú Riềng thuộc tỉnh Biên Hòa.

Năm 1927, Pháp lại đổi tên quận Phú Riềng thành quận Sông Bé, địa bàn Phú Riềng thuộc quận Sông Bé, tỉnh Biên Hòa.

Năm 1933, Pháp tiếp tục đổi tên quận Sông Bé thành quận Núi Bà Rá, địa bàn Phú Riềng thuộc quận Núi Bà Rá, tỉnh Biên Hòa¹.

Năm 1951, tỉnh Thủ Dầu Một sáp nhập với tỉnh Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên, Phú Riềng lúc này thuộc quận Sông Bé tỉnh Thủ Biên.

1. Theo *Biến đổi hành chính của Phước Long qua các thời kỳ*, Trang thông tin điện tử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước, <http://tuyengiaobinhphuoc.org.vn/m/bien-doi-hanh-chinh-cu-a-phuo-c-long-qua-cac-thoi-ky>.

Năm 1955, tỉnh Thủ Biên tách thành hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Địa bàn Phú Riềng lúc này thuộc tỉnh Biên Hòa.

Năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Phước Long bao gồm một phần đất của cả tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Dầu Một. Phú Riềng lúc này thuộc tỉnh Phước Long.

Năm 1961, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, ta thành lập hai khu: Khu 7 và Khu Sài Gòn - Gia Định. Khu 7 (Khu miền Đông, Khu 1, mật danh T1) bao gồm các tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Phước Thành, Phước Long và Tây Ninh. Địa bàn Phú Riềng thuộc tỉnh Phước Long.

Tháng 02/1962, Khu 10 (mật danh T10) được thành lập gồm các tỉnh Phước Long, Bình Long, Quảng Đức, Lâm Đồng. Địa bàn Phú Riềng thuộc tỉnh Phước Long.

Cuối năm 1962, ta giải thể Khu 10, tỉnh Bình Long về Khu miền Đông, các tỉnh còn lại về Khu 6, trong đó có tỉnh Phước Long.

Cuối năm 1966, Khu 10 được thành lập lại, gồm ba tỉnh: Phước Long, Bình Long và Quảng Đức. Địa bàn Phú Riềng thuộc tỉnh Phước Long.

Ngày 30/01/1971, ta giải thể Khu 10, thành lập Phân khu Bình Phước gồm các tỉnh Bình Long, Phước Long¹. Địa bàn Phú Riềng thuộc Phân khu Bình Phước. Năm 1972, Phân khu Bình Phước giải thể, tỉnh Bình Phước được thành lập. Địa bàn Phú Riềng thuộc tỉnh Bình Phước.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, ngày 02/7/1976, Quốc hội quyết định nhập các tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và 3 xã An Bình, Bình An, Đông Hòa (thuộc huyện Thủ Đức) thành tỉnh Sông Bé.

1. Kho lưu trữ Trung ương Cục, phong số 42, tr.350.

Ngày 04/7/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 112-HĐBT về việc phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, huyện thuộc tỉnh Sông Bé. Theo đó, địa bàn huyện Phú Riềng ngày nay thuộc huyện Phước Long, tỉnh Sông Bé.

Tháng 11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX phê chuẩn việc chia tách tỉnh Sông Bé để thành lập hai tỉnh là Bình Phước và Bình Dương. Phước Long là 1 trong 5 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Bình Phước. Địa bàn Phú Riềng thuộc huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Ngày 11/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP nhằm điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, xã thuộc tỉnh Bình Phước. Theo đó, huyện Phước Long được điều chỉnh địa giới để thành lập thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập. Địa bàn Phú Riềng ngày nay thuộc huyện Bù Gia Mập.

Huyện Phú Riềng được thành lập theo Nghị quyết số 931/NQ-UBTVQH ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bù Gia Mập để thành lập mới huyện Phú Riềng. Huyện Phú Riềng có các đơn vị hành chính trực thuộc là 10 xã: Bình Sơn, Phú Trung, Bù Nho, Long Bình, Long Hà, Long Hưng, Long Tân, Phú Riềng, Phước Tân, Bình Tân. Trung tâm huyện lỵ đặt tại xã Bù Nho.

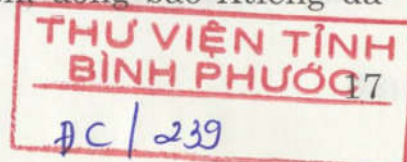
Trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính, song tên gọi Phú Riềng vẫn được giữ nguyên. Phú Riềng ngày nay đang trên đà phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh đô thị hóa, được xây dựng thành đầu mối trung tâm thương mại - nơi giao lưu kinh tế, văn hóa quan trọng của tỉnh Bình Phước. Người dân Phú Riềng đã và đang viết tiếp những trang sử truyền thống tốt đẹp trong quá trình xây dựng và phát triển quê hương.

IV. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ

Vùng đất Phú Riềng nói riêng và Nam Bộ nói chung, vào cuối thế kỷ XVI, về cơ bản, vẫn là vùng đất hoang vu chưa được khai phá. Song, qua các di chỉ khảo cổ học đất đắp dạng tròn trên địa bàn, có thể thấy vào thời tiền sử, ở vùng đất này đã có con người đến cư trú, chủ yếu là người Xtiêng cùng một số ít người Mạ, Mnông, Khmer... Họ sống rải rác theo từng buôn, sóc và sống dựa vào săn bắt, hái lượm, làm nương rẫy, tủa lúa theo phương thức du canh, du cư. Người Xtiêng là những người có công khai phá vùng núi Bà Rá.

Trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, trên vùng đất rộng lớn vùng biên giới bao gồm Phước Long, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Phú Riềng mới chỉ có một số ít đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Họ sống tập trung thành từng phum, sóc cặp theo các con sông, con suối với hoạt động kinh tế chủ yếu là trồng lúa, bắp, trồng bông, săn bắt và hái lượm...

Người Xtiêng chiếm số lượng dân cư lớn nhất và sinh sống ở đây lâu đời nhất. Họ sống tập trung, gồm một số gia đình trong một sóc nhỏ. Đồng bào Xtiêng tin vào Giàng (ông Trời), nên trong mọi quan hệ xã hội hoặc khi gặp ốm đau, hay thiên tai địch họa, đồng bào đều cầu xin Giàng phù hộ, cứu giúp. Trước kia, họ sống trong những ngôi nhà sàn. Nhà sàn của người Xtiêng dài và thấp. Họ dùng gỗ tốt không mối mọt làm cột kèo, xuyên trính, ràng buộc nhau bằng sợi mây, lợp lá tranh. Trong mỗi nhà sàn đều có một số gia đình nhỏ ở chung theo quan hệ anh em ruột thịt; nơi ở của từng gia đình nhỏ được ngăn cách bằng vách thô sơ. Trong từng sóc, đứng đầu có già làng. Người Xtiêng còn làm nhà chứa lúa ở nương rẫy, về sau họ đưa nhà chứa lúa về dựng trước nhà ở. Dưới nhà sàn là nơi gia súc ở nên thường không bảo đảm vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe. Hoạt động kinh tế của người Xtiêng chủ yếu là trồng lúa, bắp và mùa khô vào rừng hái lượm, gài bẫy săn thú. Ngày nay, được sự hướng dẫn của các cấp chính quyền, đồng bào Xtiêng đã



thực hiện đời sống mới, nhà cửa được xây dựng bằng gỗ, gạch. Nương rẫy được canh tác theo phương pháp tiến bộ, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Những tập tục mê tín, dị đoan dần được loại bỏ.

Cư trú trên mảnh đất Phú Riềng, người Khmer làm rẫy, săn thú, nuôi trâu, bò làm sức kéo phục vụ sản xuất. Một bộ phận làm nghề buôn bán, thường dùng voi để vận chuyển. Ngày nay, phần lớn đồng bào Khmer ở nhà xây trệt, sinh hoạt giống với người Kinh, biết trồng lúa nước cùng nhiều ngành, nghề khác.

Từ những năm cuối thế kỷ XX, trên địa bàn huyện còn có cộng đồng các dân tộc Tày, Nùng... di cư từ phía Bắc vào. Đến đây, họ mang theo những phong tục, tập quán của quê hương, cùng chung sống hòa nhập với các dân tộc anh em khác, tạo nên sự đa dạng, phong phú về bản sắc văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở địa phương.

Từ những năm đầu thế kỷ XIX, khi triều đình nhà Nguyễn thiết lập cơ cấu hành chính và hệ thống đồn ải để quản lý, kiểm soát cư dân và lãnh thổ, người Kinh (Việt) - trước tiên là binh lính đồn trú và gia đình của họ - mới có mặt ở nơi đây, nhưng vào thời điểm đó, họ chưa tạo thành một cộng đồng dân cư.

Ngay từ khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường), thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị thực dân và ráo riết đẩy mạnh việc điều tra, khảo sát vùng rừng núi.

Sang đầu thế kỷ XX, các đại lý hành chính và đồn binh của Pháp lần lượt được thiết lập ở Bù Đốp (1905), Hớn Quản (1906), Sông Bé (1912) và nhất là sau khi trồng thử nghiệm thành công 8.000 cây cao su ở vườn Ông Yêm (thuộc Bến Cát - Thủ Dầu Một), tư bản Pháp đã đẩy mạnh việc chiếm đất để lập đồn điền cao su, làn sóng di cư của cộng đồng người Việt đến vùng đất này mới nhiều hơn.

Sự hình thành, phát triển ngày càng nhanh của các đồn điền cao su ở Phú Riềng đã thúc đẩy quá trình di dân của cư dân người Kinh (Việt) đến vùng đất này. Đặc biệt, từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), “cơn sốt cao su” bùng nổ, đồng nghĩa với việc phải có thật nhiều nhân công, bọn chủ tư bản đã cấu kết với chính quyền thực dân thực hiện các thủ đoạn lừa mị, mua chuộc, cưỡng bức nông dân ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào làm công nhân trong các đồn điền cao su.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, với ý đồ biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự, đế quốc Mỹ đã chỉ đạo chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm tiến hành thay đổi việc bố trí dân cư và tổ chức xã hội ở vùng đất đỏ miền Đông nhằm tạo lá chắn bảo vệ Sài Gòn từ xa, đồng thời tạo bàn đạp tấn công tiêu diệt các căn cứ kháng chiến và tách Nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng. Địch đã lừa mị đồng bào là tín đồ Công giáo miền Bắc, cưỡng ép nhiều gia đình từ vùng căn cứ kháng chiến Khu 5 miền Trung (chủ yếu Quảng Nam, Quảng Ngãi) vào Phú Riềng.

Trong những năm 1956-1958, nhằm chia rẽ cách mạng với quần chúng, Mỹ - Diệm tiếp tục cưỡng bức nhiều gia đình từ vùng căn cứ kháng chiến Khu 5 (nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi) vào định cư ở những khu trọng điểm quân sự ở Phú Riềng, tạo nên làn sóng di dân mới, hình thành các dinh điền Thuận Kiệm 1, Thuận Kiệm 2, Thuận Kiệm 3, Thuận Kiệm 4, Lệ An, Phước Quả, Đức Bốn. Đi đôi với chính sách gom dân lập khu dinh điền, khu trù mật, Mỹ - Diệm thực hiện chính sách huỷ diệt môi sinh trên diện rộng, gây nhiều xáo trộn trong đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số.

Giai đoạn 1972-1975, đồng bào từ các nơi và các Việt kiều từ Campuchia bị bọn phản động Pôn Pốt - Iêng Xari đàn áp di dân về Phước Long (trong đó có địa bàn huyện Phú Riềng ngày nay) khiến dân số của huyện tăng lên đáng kể.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, công cuộc cách mạng chuyển sang giai đoạn mới. Năm 1978, để phân bố lại dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới, Đảng và Nhà nước chủ trương vận động Nhân dân ở một số tỉnh, thành như: Hà Sơn Bình, Thái Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Thanh Hóa... vào sinh sống, lập nghiệp tại vùng đất Phú Riềng, với mục đích triển khai thực hiện dự án hợp tác sản xuất và chế biến cao su thiên nhiên với quy mô 50.000ha trong thời kỳ 5 năm (1980-1984) giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên Xô.

Như vậy, cư dân sinh sống lâu đời tại địa phương đã tiếp thu phương thức canh tác mới của dòng người di cư đến làm cho Phú Riềng ngày nay trở thành vùng đất giàu bản sắc truyền thống văn hóa.

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, hiện tượng di dân tự do của đồng bào các dân tộc phía Bắc vào các tỉnh miền Đông Nam Bộ ngày càng nhiều, nhất là những năm 1990-1996. Dân số huyện tăng nhanh đã tạo áp lực lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tính đến tháng 12/2019, dân số toàn huyện Phú Riềng là hơn 96 ngàn người (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 11,85%).

Hiện nay, huyện Phú Riềng là nơi hội tụ của dân cư ở cả ba miền đất nước với sự đa dạng về bản sắc văn hoá riêng của mỗi dân tộc, trên nền tảng chung của văn hóa dân tộc Việt Nam là yêu quê hương đất nước, chịu thương chịu khó, trọng nhân nghĩa, đoàn kết cùng xây dựng quê hương.

Trên địa bàn huyện có bốn tôn giáo chính: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Hồi giáo.

Trải qua những biến động của lịch sử, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc, cộng đồng dân cư ở trên địa bàn Phú Riềng luôn gắn kết với nhau, anh dũng, bất khuất làm nên những trang sử vẻ vang.

Chương I
PHÚ RIỀNG TRONG ĐẤU TRANH
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1930-1954)

I. ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG GIÀNH CHÍNH QUYỀN
GIAI ĐOẠN 1930-1945

1. Khái quát phong trào đấu tranh cách mạng ở
Phú Riềng trước năm 1930

Khi thành lập quận Bà Rá (năm 1924), mục đích của thực dân Pháp là quản lý, cai trị các buôn, sóc người dân tộc Xtiêng, Mnông tại chỗ. Khi đã quản lý được các buôn, sóc, chúng thực hiện chủ trương “chia để trị” và chính sách “mua chuộc dụ dỗ” đồng bào ta. Chính quyền thực dân Pháp đã lập các tổng tự trị, mỗi tổng gồm một số buôn, sóc do cai tổng là người dân tộc đứng đầu. Địa bàn Phú Riềng có các tổng: Bù Nho, Đăk Trù, Bù Ka... Nói là thành lập các tổng tự trị, nhưng mọi chủ trương, quyết sách đều do thực dân Pháp trực tiếp chỉ đạo. Song đồng bào nơi đây quyết không chịu sự cai quản của Pháp và tay sai, đã tổ chức cấm chông ngăn giặc và bảo vệ buôn rẫy. Những hành động tự phát ấy thể hiện ý thức đoàn kết, yêu nước, truyền thống giữ bản làng, buôn, sóc của đồng bào các dân tộc nơi đây.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp đẩy mạnh công cuộc khai thác cao su ở Nam Bộ. Số vốn

đầu tư của tư bản Pháp vào trồng cao su tăng vọt khiến diện tích cao su ngày càng mở rộng. Đây là thời kỳ mà các đồn điền cao su được thành lập khắp nơi ở Đông Nam Bộ, trong đó có Phú Riềng.

Năm 1925, thực dân Pháp thành lập quận Phú Riềng, gồm: Đồng Xoài, Bù Đăng, Bù Đốp, Phước Bình (Phước Long), và địa bàn huyện Phú Riềng ngày nay.

Trong thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929), các tập đoàn tư sản Pháp tập trung đầu tư khai khẩn đất đai, xây dựng các đồn điền cao su.

Do chính sách vơ vét, khai thác bóc lột thuộc địa tàn nhẫn của thực dân Pháp, đồng thời thiên tai, hạn hán xảy ra liên tiếp, đời sống của Nhân dân Việt Nam nói chung và Nhân dân Phú Riềng nói riêng, vô cùng khổ cực. Phẫn uất với sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp, trong năm 1925, đồng bào dân tộc Xtiêng đã vùng dậy giết tên quận trưởng người Pháp ở Bù Đốp là Gatille. Tên này là quận trưởng đầu tiên, tới nhậm chức tại đây vào năm 1924 và một năm sau thì bị giết chết.

Trong thời kỳ quận mang tên Sông Bé, tên More - quận trưởng thứ ba - có lối cai trị hết sức tàn ác, dã man, cũng bị đồng bào dân tộc thiểu số người Xtiêng do ông Môn, ông Mốt lãnh đạo giết chết.

Sau cái chết của các tên quận trưởng ác ôn, thực dân Pháp đã trả thù bằng cách đưa lính về lùng bắt những người nổi dậy ở các buôn, sóc, giết hoặc bỏ vào ngục những người chúng cho là liên quan đến các cuộc nổi dậy. Mặc dù bị đàn áp dã man, song ý chí đấu tranh của đồng bào nơi đây không khi nào bị khuất phục.

Sau khi thành lập và ổn định các đồn điền cao su ở xã Thuận Lợi, các chủ đồn điền dưới sự bảo trợ của thực dân Pháp đã tích cực tuyển mộ công nhân (theo dạng hợp đồng (công tra)) từ

các tỉnh phía Bắc vào, như: Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng. Lúc này, tuyển mộ phu công nhân là tuyển chung cho các đồn điền đầu tư khai thác vùng đất.

Tháng 6/1927, số công nhân đầu tiên gồm 150 nông dân và dân nghèo Hà Nam đã tới khu vực Phú Riềng. Bọn chủ Pháp sau đó tiếp tục đưa thêm nhiều công nhân vào Phú Riềng. Tới năm 1930, công nhân ở Phú Riềng đã lên tới 5.000 người. Họ ở tập trung trong các làng 2, 3, 9. Mỗi làng có từ 300 đến 500 công nhân.

Điều kiện sống và làm việc của công nhân ở đồn điền vô cùng thấp kém. Bọn chủ sở, cai, xếp, đội bắt công nhân làm việc hết sức nặng nhọc và thường xuyên bị hành hạ, đánh đập rất tàn nhẫn. Chúng đã biến đồn điền cao su Phú Riềng thành “địa ngục trần gian” đầy đọa công nhân trong cảnh khổ ải, đói nghèo giữa vùng rừng thiêng, nước độc. Sự áp bức bóc lột của bọn chủ cùng bệnh tật và đòn roi đã giết hại rất nhiều công nhân. Không những vậy, bọn thống trị còn tìm đủ mọi cách chia rẽ công nhân để dễ bề thống trị. Chúng dùng rượu, cờ bạc, thuốc phiện và lợi dụng tôn giáo để ru ngủ tinh thần đấu tranh của công nhân. Chúng chia rẽ người lương và người giáo, chia rẽ người dân đến từ các vùng miền...

Không cam chịu sự áp bức cùng cực của bọn chủ sở, công nhân đã nổi dậy đấu tranh chống lại. Lúc đầu là hành động tự phát, về sau là những cuộc đấu tranh tự giác chống lại kẻ thù của giai cấp và dân tộc. Tiêu biểu là cuộc nổi dậy của 120 anh em công nhân Làng 2 do anh Nguyễn Đình Tư dẫn đầu chém chết tên Môngtây (Monteil) vào tháng 10/1927. Vì bất bình trước tình trạng công nhân bị đánh đập tàn nhẫn, anh Tư và những người cùng nhóm đã cắt máu ăn thề sẽ trả thù bọn Tây. Vào một buổi sáng trong lúc điếm danh như thường lệ, những người này đã chém tên Môngtây ác ôn khét tiếng.

Sau khi tên Môngtây bị giết chết, anh Nguyễn Đình Tư bị tòa án Biên Hòa kết án tử hình, hai công nhân khác bị kết án tù chung thân. Sau vụ này, tên chủ sở Trie càng đàn áp công nhân dữ dội hơn khiến không khí trong đồn điền rất ngột ngạt.

Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã đề ra chủ trương “vô sản hóa” nhằm đưa các hội viên của mình vào nhà máy, hầm mỏ, xí nghiệp, đồn điền... cùng lao động, ăn ở, sinh hoạt với công nhân để giác ngộ cách mạng cho công nhân, đồng thời rèn luyện họ trở thành những người tiên tiến trong giai cấp công nhân.

Thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, đầu năm 1928, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (tức Nguyễn Văn Vĩnh) tới đồn điền cao su Phú Riềng. Vốn là một trí thức, lại nói tiếng Pháp giỏi, đồng chí Cừ được tên Lơông (Xếp Làng 3) rút lên làm bồi cho hắn. Với vị trí đó, đồng chí Cừ được phép đi lại trong đồn điền và đi Sài Gòn thường xuyên nên có điều kiện liên hệ với các tổ chức cách mạng.

Sau một thời gian tuyên truyền, phát triển hội viên, tháng 4/1928, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đồn điền Phú Riềng được thành lập, gồm 5 hội viên: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Hồng, Tạ, Hòa, do Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên được thành lập ở đồn điền.

Ngày 17/6/1929, Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập, thông qua Chính cương và Tuyên ngôn của Đảng, lấy Tờ báo “Búa liềm” làm cơ quan ngôn luận. Ngay sau khi thành lập, Đông Dương Cộng sản Đảng đã phân công người vào miền Trung và miền Nam hoạt động xây dựng cơ sở đảng. Đồng chí Ngô Gia Tự đại diện cho Trung ương lâm thời của Đông Dương Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ đã vào Sài Gòn làm phu khuân vác ở Chợ Lớn để vừa kiếm sống, vừa tạo địa bàn hoạt động. Đồng chí đã liên lạc với đồng chí Nguyễn Xuân Cừ ở Phú Riềng.

Thực hiện đường lối phát triển tổ chức đảng của Đông Dương Cộng sản Đảng, đồng chí Ngô Gia Tự chỉ đạo đồng chí Nguyễn Xuân Cừ thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng. Vào đêm ngày 28/10/1929, tại khoảnh rừng phía sau Làng 3 - Đồn điền cao su Phú Riềng (nay thuộc xã Thuận Phú huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước), chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đầu tiên ở Đông Nam Bộ được thành lập với 6 đảng viên, gồm: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Hồng, Tạ, Hòa và Doanh, do Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đồng thời cũng là chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập trong các đồn điền cao su.

Cuối năm 1929, Công hội Đỏ Phú Riềng (là 1 trong 2 Công hội Đỏ ở Nam Kỳ do Đông Dương Cộng sản Đảng lãnh đạo) được thành lập. Đêm ngày 07/11/1930, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Phú Riềng bí mật tổ chức kỷ niệm thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga và kết nạp thêm đảng viên mới là Nguyễn Mạnh Hồng. Từ đây, Chi bộ đẩy mạnh công tác đào tạo các “hạt giống đỏ” cho các đồn điền trong khu vực.

Sau khi ra đời, Chi bộ xây dựng nhiều nghiệp đoàn bí mật, Công hội đỏ, cho ra đời Tờ báo “Giải thoát” có nội dung chính là truyền bá cách mạng, lưu hành bí mật trong công nhân. Ngoài ra, Chi bộ còn xây dựng được Đội thanh niên xích vệt. Đây là lực lượng bán vũ trang được biên chế thành nhiều tiểu đội, mỗi tiểu đội ứng với một làng công nhân để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho anh em công nhân. Chi bộ phân công đồng chí Trần Tử Bình phụ trách Tổ Thanh niên xích vệt đội, đồng chí Tạ phụ trách Làng 2, đồng chí Hồng phụ trách Nghiệp đoàn, đồng chí Doanh phụ trách Làng 3, đồng chí Hòa phụ giúp đồng chí Hồng trong công tác vận động công nhân ở gara ô tô.

2. Phong trào đấu tranh cách mạng ở Phú Riêng giai đoạn 1930-1945

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, các cuộc đấu tranh của công nhân đã hoàn toàn mang tính tự giác. Chi bộ Phú Riêng đã lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh với nhiều hình thức phong phú, kết hợp đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị như đòi bỏ thuế thân... Nhờ đó, đời sống công nhân bớt một phần khổ cực và họ cùng đoàn kết chặt chẽ chung quanh tổ chức đảng. Các cuộc đấu tranh của công nhân phát triển dần từ thấp tới cao. Chi bộ họp với nghiệp đoàn nhiều lần để thống nhất về ý chí, hành động trong công nhân, bàn về mục đích, phương châm và yêu sách của cuộc đấu tranh.

Sáng mồng 1 Tết (tức ngày 30/01/1930), đoàn thị uy của 5 làng công nhân do các tiểu đội trưởng xích vệ chỉ huy đã tổ chức múa lân tiến đến sân nhà tên chủ sở Xumanhắc để “Chúc tết chủ”. Xumanhắc biết rõ đây là cuộc đấu tranh dưới hình thức chúc tết. Hắn rất tức tối, nhưng vẫn buộc phải hứa sẽ giải quyết. Công nhân trật tự ra về với thắng lợi hoàn toàn. Trong 3 ngày Tết, Nghiệp đoàn đã khéo léo biến những sinh hoạt vui xuân thành những cuộc sinh hoạt nghiệp đoàn. Cờ đỏ búa liềm treo công khai khiến công nhân và đồng bào vô cùng phấn khởi. Khí thế cách mạng lên cao, thu hút toàn bộ công nhân các làng và cả dân chúng tham gia.

Ngày mồng 4 Tết (03/02/1930), Chi bộ ra lệnh bãi công, trong lúc đó, anh Cảo ở Làng 9 bị cai Tây đánh chết, anh cai Lự đuổi đánh tên mật thám cũng bị bọn cai Tây bắt và gán cho tội ăn trộm. Chi bộ lập tức phát động công nhân đòi nghỉ việc để đưa tang anh Cảo. Cuộc bãi công trở thành cuộc biểu tình rầm rộ. Công nhân kéo lên chủ sở đòi đền mạng và yêu cầu phải chấp nhận yêu sách. Chủ sở Xumanhắc đóng chặt cửa không dám ra. Công nhân cùng Đội xích vệ Làng 2 vây chặt nhà

chủ sở khiến chúng hoảng sợ phải gọi lính ở đồn Phú Riềng đến giải vây.

Sáng ngày 04/02/1930, quận trưởng cảnh sát Môre dẫn 25 lính khố đỏ vào đàn áp công nhân. Xô xát xảy ra, Môre cùng bọn lính bị công nhân vây đánh phải bỏ chạy. Công nhân tước 7 súng, bắt 5 tên lính giải về nhà chủ sở. Xumanhắc sợ hãi phải chấp nhận yêu sách của công nhân. Biên bản được ký ngay giữa chủ và công nhân.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, tư bản đồn điền cao su Pháp ở Việt Nam phải ký vào biên bản chấp nhận yêu sách đấu tranh của công nhân.

Sau thắng lợi đó, công nhân Phú Riềng tự phát dấy lên hành động khởi nghĩa chiếm luôn các cơ sở của đồn điền, xông vào nhà chủ nhất đốt sạch giấy tờ sổ sách và các bản công tra. Cả ngày 05/02/1930, Nghiệp đoàn và công nhân quản lý toàn bộ đồn điền.

Trong lúc đó, bọn địch xin ứng cứu từ Biên Hòa và Sài Gòn. Đồng chí Ngô Gia Tự nắm được tình hình khởi nghĩa tự phát ở Phú Riềng qua báo chí và báo cáo của đồng chí Cừ, đã lập tức chỉ đạo, uốn nắn phong trào.

Ngày 06/02/1930, Công sứ Biên Hòa Mácty, Thống đốc Nam Kỳ Crehâyme và Chánh mật thám Đông Dương Ácnu đi xe bọc thép cùng 20 ô tô chở 800 lính kéo về Phú Riềng hòng bóp chết “khu đỏ”. Song chúng đã bị bất ngờ khi không tìm thấy một dấu hiệu nào của “sự nổi loạn”, công nhân vẫn sinh hoạt bình thường. Chúng tập trung công nhân lại tra hỏi, nhưng trước những câu trả lời đầy lý lẽ của công nhân, chúng đành cho quân rút khỏi Phú Riềng. Tuy nhiên, bọn địch đã cài lại rất nhiều mật thám, chỉ điểm, nên đa số các đồng chí trong Chi bộ và Ban Chấp hành Nghiệp đoàn sau đó đã bị phát hiện. Các đồng chí Trần Tử Bình, Hồng, Doanh, Tạ lần lượt bị địch bắt.

Trước tòa án Biên Hòa và Tòa đại hình Sài Gòn, mặc dù bị tòa án thực dân kết án tù nhiều năm, thậm chí bị kết án xử tử, song các đồng chí đã nêu cao khí phách anh hùng và dũng khí đấu tranh của công nhân Phú Riềng.

Cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng đạt được kết quả lớn, có ảnh hưởng rộng rãi và để lại nhiều bài học quý giá. Lần đầu tiên, một chi bộ đảng đã lãnh đạo được 5.000 công nhân đấu tranh kinh tế kết hợp với đấu tranh chính trị và đã biết chuyển hướng chiến lược khi cuộc đấu tranh tự phát chuyển sang bạo động, tránh được những tổn thất to lớn. Đây là cuộc bãi công lớn nhất trong cả nước tính đến lúc này.

Cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân Phú Riềng đã góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam lên một bước phát triển mới và Phú Riềng Đỏ đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu về lãnh đạo đấu tranh cách mạng của Đảng ta sau này.

Sau tháng 02/1930, chủ sở hữu đổi tên Phú Riềng thành Thuận Lợi với ý đồ xóa sạch truyền thống Phú Riềng Đỏ trong lòng người dân Việt Nam. Tên Sale về làm chủ sở thay tên Xumanhắc, đã tiến hành một loạt biện pháp nhằm làm giảm “chất đỏ” ở đây như: Hạn chế công nhân cũ về Bắc, chuyển công nhân đi nơi khác, tuyển công nhân mới, đồng thời xây dựng đồn điền rộng hơn. Ngoài ra, bọn chúng áp dụng chế độ roi vọt và chế độ làm việc vô cùng tàn bạo và khắc nghiệt đối với anh em công nhân.

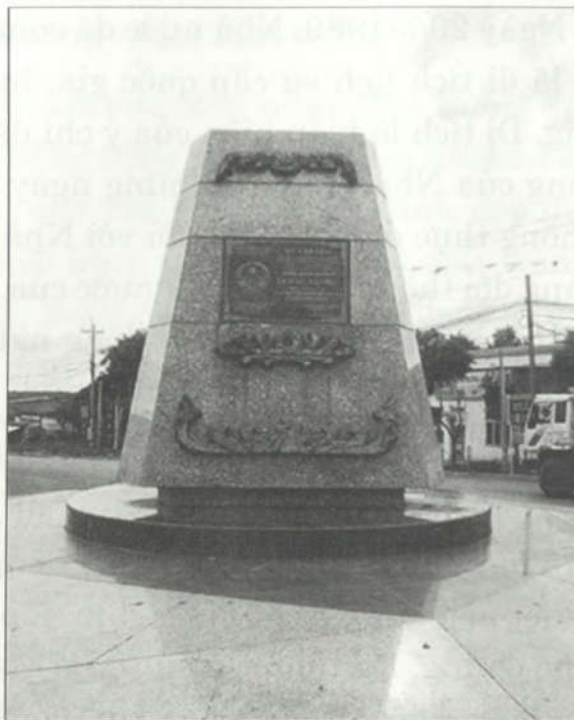
Trong cộng đồng đồng bào dân tộc, căm thù trước những hành động tàn ác của thực dân Pháp, một thanh niên Xtiêng thuộc tầng lớp giàu có ở làng Bù Rịnh là Điểu Sơn cùng hai anh em Điểu Môn, Điểu Mốt ở ấp Bù Xum đã vận động được khoảng 200 dân làng và nghĩa quân các sóc quanh vùng nổi dậy. Ngày 25/10/1933, tên More là đội viên khố xanh tàn ác

khét tiếng ở quận Núi Bà Rá đã bị hai anh em Điều Mốt, Điều Môn dùng xà gạc chém chết. Sau khi tên này chết, thực dân Pháp đã cho xây dựng bia (sau này, Nhân dân ta quen gọi là Mả thẳng Tây. Ngày 29/5/1989, Nhà nước đã công nhận di tích Mả thẳng Tây là di tích lịch sử cấp quốc gia, hiện nay ở ngã tư xã Phú Riềng. Di tích là biểu hiện của ý chí đấu tranh cách mạng kiên cường của Nhân dân ta những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp). Đối với Nhân dân ta, đây là chiến tích vang dội thể hiện lòng yêu nước của đồng bào dân tộc thiểu số, một chiến thắng đã đi vào lòng người, góp phần giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau.

Sau khi tên More phải đền tội, những người lãnh đạo cuộc nổi dậy đã đưa người dân vào rừng để tránh sự khủng bố của địch. Thực dân Pháp cho máy bay quần đảo khắp rừng đe dọa ném bom hủy diệt nếu đồng bào không chịu nộp những người đã giết More cho chúng. Ba thanh niên tham gia giết More là Điều Sơn, Điều Môn, Điều Mốt đã họp với dân làng và quyết định ra nộp mình cho Pháp để cứu đồng bào khỏi cảnh tàn sát. Thực dân Pháp bắt Điều Sơn giam tại nhà tù Bà Rá, Điều Mốt bị đày đi Côn Đảo rồi hy sinh, Điều Môn trốn vào rừng rồi chết vì bệnh sốt rét. Ba thanh niên Xtiêng đã nêu tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, thương dân và ý chí chống giặc ngoại xâm cho đồng bào noi theo. Tinh thần anh dũng ấy đã động viên ý thức dân tộc của đồng bào dân tộc thiểu số trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong những năm 1931-1944, nhiều cuộc đấu tranh diễn ra như đình công, bắt trời bọ cai, xu... trong đó có cuộc biểu tình lớn của 150 công nhân cao su Thuận Lợi vào ngày 04/5/1938 đòi chủ không được đánh đập, không được bán hàng với giá đắt cho công nhân. Sau Khởi nghĩa Nam Kỳ, nơi đây đã có những hoạt động của các chiến sĩ cách mạng. Phong trào quần chúng vùng Bù Đốp, Bà Rá, Phước Long, Phước Bình, Phú Riềng

ngày càng chuyển hướng theo con đường cách mạng vô sản, đấu tranh “tự ta giải phóng cho ta”.



*Di tích Mả thằng Tây - Di tích lịch sử cấp quốc gia
Nơi ghi dấu cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc Xtiêng
chống thực dân Pháp năm 1933*

Đầu năm 1944, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một¹ đã họp bàn biện pháp phát triển công tác đảng, lập Đội Tự vệ, Hội Cứu quốc và chuẩn bị khởi nghĩa trong tỉnh. Hội nghị nhấn mạnh:

1. Trong những năm 1945-1954, tỉnh Bình Phước ngày nay bao gồm một số quận của hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một: Khu vực Bình Long và một phần Lộc Ninh được gọi là quận Hớn Quản, phía đông bắc Lộc Ninh là quận Bù Đốp thuộc tỉnh Thủ Dầu Một; khu vực Đồng Phú, Phước Long, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Phú Riềng thời kỳ này thuộc quận Bà Rá thuộc tỉnh Biên Hòa. Từ năm 1951 trở đi, theo hệ thống tổ chức của cách mạng, hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được hợp nhất thành tỉnh Thủ Biên, các quận trên đều thuộc tỉnh Thủ Biên.

Ở phía bắc có hàng vạn công nhân các đồn điền cao su Lộc Ninh, Thuận Lợi, Quản Lợi... và mấy chục ngàn đồng bào dân tộc ở Hớn Quản, Bà Rá (nay là Lộc Ninh, Bình Long, Phước Long, Đồng Phú), đây là nơi núi rừng biên giới có vị trí quan trọng nên Pháp chú ý phòng thủ. Các Chi bộ của Đảng bộ tỉnh cần ra sức tuyên truyền, vận động công nhân, nông dân và đồng bào dân tộc với nội dung: Việt Minh là yêu nước. Ai yêu nước thì vào Hội Cứu quốc, vào Đội Tự vệ đánh Pháp, đuổi Nhật. Cuộc khởi nghĩa lần này nhất định thắng lợi.

Ngày 15/8/1945, phátxít Nhật đầu hàng quân đồng minh vô điều kiện. Ngày 20/8/1945, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một họp quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa tỉnh và cơ sở. Hội nghị đề ra kế hoạch: Ngày 25/8/1945 giành chính quyền ở thị xã. Các thị trấn, đồn điền cao su đồng thời tiến hành hoặc sớm hơn, tùy theo điều kiện từng nơi. Trong hai ngày 24 và 25/8/1945, ta giành chính quyền ở Bến Cát, Bà Rá và các đồn điền cao su.

Đoàn Thanh niên Tiên phong giữ vai trò nòng cốt bảo vệ đồn điền, bảo vệ công nhân, thành lập chính quyền cách mạng tại đồn điền. Sáng ngày 25/8/1945, hàng ngàn công nhân các làng ở sở cao su ở Phú Riềng đã cùng đồng bào Kinh, Thượng, nòng cốt là lực lượng Thanh niên quyết chiến, lực lượng tự vệ do đồng chí Nguyễn Đình Kính¹ chỉ đạo cầm gậy gộc, xà beng, giáo mác, cung nỏ tiến vào các nhà máy, xí nghiệp đồn điền

1. Đồng chí Nguyễn Đình Kính là công nhân cao su tại Làng 2 Thuận Lợi, giác ngộ cách mạng và trở thành đảng viên, là cán bộ cốt cán của phong trào, được giao nhiệm vụ đứng ra thành lập các lực lượng cách mạng: Thanh niên Tiên phong, Phụ nữ cứu quốc trên địa bàn. Sau đó, đồng chí gia nhập lực lượng vũ trang nhân dân, tham gia nhiều trận đánh tiêu diệt đồn bốt địch ở Đông Nam Bộ và Chiến khu D. Sau khi tập kết ra Bắc, năm 1959 đồng chí Nguyễn Đình Kính là một trong những sĩ quan được bố trí trong đội hình mở đường vào Nam do đồng chí Ba Phước làm trưởng đoàn, sau này là một trong những Bí thư K ủy (tương đương Huyện ủy), K25, K127 và Bí thư Huyện ủy Phước Long sau giải phóng.

cao su và các cơ sở sản xuất. Đoàn người giương khẩu hiệu: “Chính quyền về tay Việt Minh”, “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”, leo tường, vượt rào vào các công sở, chiếm các trụ sở hành chính, trụ sở cảnh sát.

Cùng với cuộc khởi nghĩa ở Phú Riềng, Nhân dân các nơi khác như Bà Rá, Hớn Quản, Tân Uyên, Lái Thiêu, Bến Cát... cũng nổi dậy giành chính quyền trong buổi sáng ngày 25/8/1945.

Riêng ở Lộc Ninh, ta cướp chính quyền từ tay phátxít Nhật ngày 24/8/1945. Ngay tối hôm ấy, lễ mừng thắng lợi và truy điệu những chiến sĩ đã hy sinh được tổ chức rất trang trọng và tôn nghiêm. Lực lượng Thanh niên quyết chiến và lực lượng “Việt Nam mới” tập hợp khoảng 300 người do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy, có trang bị thêm một số súng vừa thu được cùng với giáo mác, tầm vông, vạc nhọn... kéo xuống thị xã Thủ Dầu Một, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Rạng sáng ngày 25/8/1945, khoảng 5 vạn người của các huyện trong tỉnh tham gia cuộc mítting được tổ chức tại trung tâm thị xã. Đoàn người giương cờ đỏ và biểu ngữ rợp đường. Sau khi cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, các đồng chí Lê Đức Anh, Ba Quyên (lái xe), Ba Anh (công nhân), Ba Đền, Cầu, Kỳ, Ngàn - những người lãnh đạo và hạt nhân của phong trào trở thành những người phụ trách các công việc của chính quyền.

Tại đồn điền Phú Riềng - Thuận Lợi, Ủy ban nhân dân ra đời, đặt trụ sở tại nhà tên chủ sở cũ. Ủy ban nhân dân đã lãnh đạo công nhân dấy lên một phong trào mới.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi đưa Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Lần đầu tiên sau gần 100 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, Nhân dân Phú Riềng được sống trong độc lập, tự do.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam từ một nước thuộc địa đã trở thành một quốc gia độc lập; Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, mất nước trở thành người dân tự do, người làm chủ vận mệnh của dân tộc. Hòa chung niềm vui độc lập của Nhân dân cả nước trong những ngày đầu sau cách mạng, Nhân dân vùng bắc Thủ Dầu Một, Biên Hòa gồm các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp đã hăng hái tham gia công cuộc xây dựng chính quyền mới, ổn định an ninh, trật tự, khôi phục sản xuất và bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng vừa giành được.

II. PHÚ RIỀNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC LẦN THỨ HAI (1945-1954)

1. Xây dựng phong trào cách mạng trong giai đoạn đầu kháng chiến (1945-1947)

Cách mạng Tháng Tám thành công chưa được bao lâu, thì thực dân Pháp hiếu chiến đã trở lại xâm lược nước ta một lần nữa hòng bóp chết nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa còn non trẻ. Ngày 23/9/1945, tiếng súng xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp đã nổ ở Sài Gòn. Ngày 25/10/1945, Pháp đánh chiếm thị xã Thủ Dầu Một.

Trong thời gian này, khu vực đồn điền Phú Riềng - Thuận Lợi vẫn là khu an toàn, là căn cứ tập kết của bộ đội ta. Cuối năm 1945, cơ quan quân sự khu và một đơn vị vũ trang của ta về đóng ở khu vực Phú Riềng - Bà Rá. Một bộ phận của Đội công tác do đồng chí Nguyễn Đình Kính phụ trách từ Phước Long đi sâu vào các địa bàn vùng dân tộc ở Bù Gia Mập để nắm tình hình, gây dựng lực lượng, dần dần hình thành nhóm vũ trang tuyên truyền, tích cực hoạt động gây ảnh hưởng trong đồng bào dân tộc khắp vùng Bà Rá - Phước Long.

Sau khi trở lại xâm lược nước ta, thực dân Pháp tăng cường lập đồn bót trên các địa bàn quan trọng và dọc trục đường

từ Đồng Xoài đến quận lỵ Bà Rá. Tại Đồng Xoài, chúng thường xuyên duy trì trên một đại đội cơ động để sẵn sàng ứng chiến cho các vùng chung quanh. Ở đồn điền Thuận Lợi có hơn một trung đội lính bảo vệ cho chủ sở. Khu vực Phú Riềng - Thuận Lợi trở thành một căn cứ quân sự có nhiều đồn bót chung quanh, sẵn sàng chi viện và phối hợp với lực lượng ở vùng lân cận. Đối với địch, khu vực Phú Riềng trở thành nơi có vị trí rất quan trọng, là nơi thông thương tiếp viện giữa Sài Gòn với Tây Nguyên. Trước khi đi Tây Nguyên, địch thường cho máy bay trinh sát đi dọn đường. Tất cả các máy bay đều phải dùng sân bay Thuận Lợi (được Pháp xây dựng từ năm 1930) để làm nơi nghỉ, đổ xăng dầu tiếp tế. Đối với ta, Phú Riềng có vai trò như một chốt điểm, số công nhân đông là yếu tố thuận lợi để ta xây dựng cơ sở cách mạng ngay trong trung tâm đồn điền nhằm tiếp tế lương thực và cung cấp tin tức tình hình địch.

Tại các lô cao su ở xa, các đồng chí như Đỗ Bông Long, Lý Quối thường xuyên tập hợp công nhân tuyên truyền đường lối kháng chiến, kêu gọi quyên góp ủng hộ cách mạng. Những cuộc sinh hoạt bí mật đó đều được công nhân bảo vệ và đã có tác dụng nuôi dưỡng niềm tin, cổ vũ nhiệt tình cách mạng trong công nhân. Công nhân đã đấu tranh bằng nhiều hình thức như đốt vườn cây, bầm thân cây cao su.

Sau khi chiếm được thị xã Thủ Dầu Một, trong hai tháng 11 và tháng 12/1945, quân Pháp liên tục mở nhiều cuộc tiến công vào các đồn điền cao su thuộc các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp. Đặc biệt, ngày 25/12/1945, quân Pháp mở cuộc tiến công quy mô lớn, chia làm hai hướng, đánh chiếm các vùng cao su. *Hướng thứ nhất* từ thị xã Thủ Dầu Một đánh lên; *hướng thứ hai* từ thị xã Tây Ninh đánh qua tạo thành hai gọng kìm hòng nhanh chóng chiếm được vùng địa bàn

trọng yếu này¹. Với sự chuẩn bị từ trước, quân dân các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp đã chiến đấu kiên cường, gây cho địch nhiều tổn thất. Tuy nhiên, do chênh lệch về lực lượng giữa một bên là quân đội viễn chinh nhà nghề có vũ khí hiện đại với một bên là những người công nhân cao su và du kích địa phương chỉ có gậy gộc, giáo mác, tầm vông vót nhọn, nên cuối cùng, thực dân Pháp vẫn làm chủ được tình hình. Lực lượng kháng chiến buộc phải tạm rút để bảo toàn lực lượng. Đến tháng 02/1946, về cơ bản, thực dân Pháp đã chiếm xong các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp.

Sau khi bị chiếm đóng, quận Bà Rá có vị trí quan trọng do nối liền Sài Gòn - Trung tâm đầu não chiến tranh của Pháp ở Nam Bộ với địa bàn chiến lược Tây Nguyên rộng lớn. Vì vậy, trong thời gian này, từ Phước Hòa đến quận lỵ Bà Rá, Pháp xây dựng hàng loạt đồn bót lớn, nhỏ dọc theo đường 14. Riêng ở Đồng Xoài, chúng đóng chốt một đại đội cơ động để ứng cứu cho các vùng chung quanh. Ý đồ của giặc Pháp là vừa khống chế được khu vực này vừa biến nơi đây thành trạm nghỉ chân và bảo vệ an toàn cho sự thông thương của các đoàn xe từ Sài Gòn lên Buôn Mê Thuột (Tây Nguyên). Ở đồn điền Thuận Lợi, ngoài lực lượng cơ động ứng chiến với hơn một trung đội lính của chủ sở, tại các làng công nhân địch còn xây dựng hệ thống đồn bót canh giữ. Thực dân Pháp thường xuyên duy trì một tiểu đoàn, đóng đồn bót khắp các khu vực dọc quốc lộ 14 từ Phước Hòa, Phước Vĩnh, Đồng Xoài đến quận Bà Rá.

1. Các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp là nơi tập trung nhiều đồn điền cao su như: Lộc Ninh, Hớn Quản, Thuận Lợi, Đa Kia, Bù Đốp... là những đồn điền đem lại giá trị kinh tế lớn. Đây cũng là địa bàn trọng yếu về quân sự với địa thế rừng núi, dân cư thưa thớt, giao thông liên lạc khó khăn, có thể trở thành một căn cứ địa kháng chiến. Mặt khác, đây cũng là nơi có đường xe lửa Sài Gòn - Lộc Ninh cùng với nhiều tuyến giao thông chiến lược quan trọng như quốc lộ 13, quốc lộ 14 chạy dài từ bắc đến nam nối liền Bình Phước với các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và Campuchia.

Sau khi chiếm xong các vị trí trọng yếu về quân sự, thực dân Pháp tăng cường các tổ chức tề điệp, tổ chức lại bộ máy cai trị địa phương, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động khủng bố, thực hiện hàng loạt các cuộc bắn giết trả thù, lùng bắt những người tham gia cách mạng. Chúng cho thành lập nhiều trại tù làm nơi giam giữ những người tham gia cách mạng, những người mà chúng cho là “phần tử nổi loạn”.

Tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, *một mặt*, thực dân Pháp dùng nhiều chiêu bài, thủ đoạn lừa mị, mua chuộc, dụ dỗ; *mặt khác*, chúng tăng cường bộ máy kìm kẹp tại các phum, sóc nhằm trấn áp các hành động chống đối... Đặc biệt, Pháp cho thi hành nhiều chính sách nhằm làm chia rẽ, khoét sâu mâu thuẫn giữa người Thượng với người Kinh, kích động đồng bào dân tộc thiểu số giết hại và chỉ điểm cán bộ, đảng viên người Kinh, v.v..

Tình hình đã buộc Nhân dân phía bắc Thủ Dầu Một, Biên Hòa phải tiếp tục đấu tranh, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Ngày 25/10/1945, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị mở rộng tại Cái Bè (Mỹ Tho) do đồng chí Hoàng Quốc Việt chủ trì. Hội nghị đề ra nhiệm vụ lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến và quyết nghị một số biện pháp nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách của cuộc kháng chiến như chấn chỉnh tổ chức, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong từng cấp ủy địa phương, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, trước hết là việc xây dựng lực lượng vũ trang. Hội nghị xác định nguyên tắc: Quân đội cách mạng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Ngày 20/11/1945, đồng chí Nguyễn Bình với danh nghĩa phái viên của Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự Nam Bộ tại xã An Phú (Hóc Môn - Gia Định) nhằm thống nhất các lực lượng vũ trang ở Nam Bộ lấy tên là Giải phóng quân Nam Bộ,

quyết định biên chế các lực lượng vũ trang Nam Bộ thành 25 chi đội, lấy phiên hiệu từ 1 đến 25 (tương đương trung đoàn), đồng chí Nguyễn Bình được cử làm Tổng Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ. Đồng chí đã vạch chương trình hành động, phân chia khu vực hoạt động cho các đơn vị vũ trang và nhấn mạnh đến việc đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giáo phái, chống lại chính sách chia rẽ lương, giáo của địch.

Mỗi chi đội hoạt động trên một địa bàn được phân chia. Địa bàn hoạt động của Chi đội 10 là Chiến khu Đ, Tân Uyên và Bà Rá. Ban Chỉ huy Chi đội 10 của Biên Hòa gồm các đồng chí: Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ; Chi đội phó Huỳnh Văn Đạo, Nguyễn Văn Lung, Cao Minh Căng; Chính trị viên Phạm Đình Công. Chi đội 10 tổ chức thành 3 đại đội A, B, C với quân số 1.100 người. Trong đó, Đại đội A do đồng chí Võ Tinh Quân làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Quang làm Đại đội phó, đồng chí Nguyễn Đình Vị làm Chính trị viên.

Ngày 10/12/1945, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị mở rộng tại Bình Hòa Nam (huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ngày nay) bên sông Vàm Cỏ Đông. Hội nghị quyết định giải thể Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, thành lập Ủy ban Kháng chiến miền Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch, chia Nam Bộ thành ba khu 7, 8, 9. Khu 7 được thành lập gồm: Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, và Tây Ninh, do đồng chí Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, Dương Văn Dương làm Khu bộ phó, Trần Xuân Độ làm Chính trị bộ chủ nhiệm. Hệ thống lãnh đạo của Đảng và hệ thống quân sự được kiện toàn thống nhất từ trên xuống có tác dụng lớn trong việc xây dựng, củng cố các lực lượng vũ trang ở các địa phương. Sự hình thành Khu 7 tạo nên mối liên kết giữa các địa phương trong khu vực Đông Nam Bộ nhằm tăng cường sức mạnh và

giúp đỡ lẫn nhau, là một bước ngoặt quan trọng trong việc tổ chức lực lượng kháng chiến ở Nam Bộ nói chung và từng địa phương nói riêng.

Chi đội vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một ra đời lấy tên là Chi đội 1 do Huỳnh Kim Trương làm Chi đội trưởng, Nguyễn Văn Thi làm Chi đội phó, Vương Anh Tuấn làm Chính trị viên, đã làm lễ ra mắt tại Chiến khu An Sơn vào ngày 25/12/1945. Chi đội 1 gồm nhiều thành phần tham gia: Công nhân, nông dân, viên chức, trí thức, giáo viên, học sinh, Thanh niên Tiền phong và một số lính Nhật,... Quân số Chi đội là 500 người, được trang bị 110 súng trường, 10 súng phun lửa, 4 súng máy, 100 lựu đạn, 15 súng lục và nhiều đạn dược.

Từ cuối năm 1945, Khu 7 cử một đơn vị vũ trang do Vũ Đức làm Tư lệnh trưởng về đóng ở Thuận Lợi nhằm xây dựng một nơi đứng chân trên địa bàn, tiến tới thành lập một chiến khu với căn cứ Thuận Lợi là trung tâm¹. Từ căn cứ Thuận Lợi, hàng trăm công nhân cao su ở các đồn điền được tuyển vào lực lượng vũ trang. Họ đem theo nhiều máy móc, lương thực đến vùng Mỹ Lộc, Lạc An, Tân Định để lập chiến khu Lạc An (Biên Hòa).

Trước tình hình chuyển biến có lợi cho kháng chiến, để tránh chông chéo chức năng với chính quyền, Ban Chỉ huy Chi đội 10 Biên Hòa đã chuyển các quận quân sự thành các ban công tác liên thôn, có đội du kích tập trung (là tiền thân của các lực lượng dân quân sau này). Dưới các ban công tác liên thôn là các ban công tác xã có du kích xã (tiền thân của các xã đội). Ban công tác liên thôn là một tổ chức quân sự giúp việc cho Ủy ban

1. Thuận Lợi có một vị trí khá quan trọng, là nơi thông thương tiếp viện giữa Sài Gòn và Tây Nguyên. Để đi Tây Nguyên, Pháp phải qua Phước Hòa, Phước Vĩnh, rồi theo Quốc lộ 14 lên Ban Mê Thuột. Thuận Lợi cũng được xem như một chốt điểm nghỉ chân và làm bàn đạp tỏa đi các nơi, là nơi có số lượng công nhân khá đông.

hành chính quận, nhưng do Ban Chỉ huy Chi đội 10 chỉ huy và quyết định về kế hoạch hoạt động. Từ năm 1946, căn cứ Thuận Lợi (Phước Long) là nơi đứng chân thường xuyên của Ban công tác liên thôn 7 thuộc Chi đội 10 Biên Hòa với quân số gần một trung đội, do đồng chí Đỗ Bồng Long làm Trưởng ban; Lý Quới và Lê Văn Thuộc làm Phó ban.

Tháng 4/1946, Khu ủy Khu 7 chỉ định thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa do Trần Minh Trí làm Bí thư. Từ đây, cuộc kháng chiến của quân và dân Phước Long được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa. Tại Biên Hòa, lực lượng vũ trang tỉnh do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy cũng trở về gây dựng lại cơ sở cách mạng và cơ sở vũ trang trong vùng địch tạm chiếm.

Từ giữa năm 1946, do tình hình có nhiều bất lợi ở vùng chiến khu rừng núi phía bắc, lực lượng vũ trang cách mạng quyết định chuyển về hoạt động ở vùng địch tạm chiếm; tiến hành vũ trang tuyên truyền, diệt tề trừ gian, tổ chức lại cơ sở quần chúng...

Cũng trong thời gian này, các tổ chức nghiệp đoàn của công nhân cao su tại các đồn điền Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, Thuận Lợi, Đa Kia (với nhiều tên gọi khác nhau như Ủy ban công nhân, Nông dân cứu quốc, Nghiệp đoàn...) đã được thống nhất thành Liên hiệp nghiệp đoàn cao su miền Đông Nam Bộ với nhiệm vụ củng cố, phát triển tổ chức công đoàn và các tổ chức cách mạng khác trong đội ngũ công nhân, vận động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang kháng chiến và lãnh đạo các phong trào đấu tranh của công nhân cao su. Cùng với sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, Liên hiệp nghiệp đoàn cao su miền Đông Nam Bộ ở quận Hớn Quản, Bù Đốp, Bà Rá đã xây dựng nhiều tổ chức bí mật bên trong đồn điền cao su với nhiệm vụ phá hoại vườn cây, cơ sở sản xuất, chế biến cao su của Pháp. “Mặt trận cao su chiến” trở thành

khẩu hiệu đấu tranh của công nhân cao su nhằm biến đồn điền cao su thành chiến trường tiêu diệt giặc.

Tại các đồn điền, dù trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn, nhưng công nhân vẫn quyên góp hoặc lấy của Pháp thuốc men, gạo, vải vóc để gửi vào chiến khu tiếp tế cho bộ đội. Mỗi đồn điền đều thành lập Ban vận động tiếp tế làm nhiệm vụ quyên góp và vận chuyển lương thực, thuốc men ra căn cứ. Phong trào ngày càng trở nên rầm rộ khiến thực dân Pháp phải áp dụng nhiều biện pháp để ngăn chặn như lập ra “nhà ăn công nhân” (thực chất là để tránh phát gạo cho công nhân), hay giám sát công nhân bị bệnh uống thuốc tại chỗ (ngăn chặn việc công nhân giả vờ bệnh để xin thuốc gửi ra chiến khu)...

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1947, là thời kỳ quân và dân các quận Hớn Quản, Bù Đốp, Bà Rá từng bước khắc phục khó khăn, kiên cường đấu tranh và xây dựng, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được.

Đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời Kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹... Lời kêu gọi của Người là tiếng gọi của non sông đất nước, là ánh đuốc soi đường cho toàn dân tộc Việt Nam kiên quyết đứng lên chiến đấu chống thực dân, cứu nước.

2. Phong trào đấu tranh cách mạng trong những năm 1947-1950

Chiến thắng của quân và dân Việt Bắc trong Chiến dịch Thu Đông năm 1947 đã tiếp thêm sức mạnh cho Nhân dân Phú Riềng đánh bại chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”

1. Hồ Chí Minh: *Tập tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

của thực dân Pháp, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt trị người Việt”. Ở khu vực Phú Riềng cũng như trên toàn miền, địch đóng thêm các đồn bốt và chi khu quân sự trên các đường giao thông chạy qua vùng cao su, cho các đơn vị cơ động sẵn sàng ứng chiến càn quét. Ngoài ra, chúng còn điều động thêm bọn lính lê dương để bảo vệ đường xá, đồn bốt.

Mặc dù vậy, Nhân dân và các lực lượng kháng chiến ở Phú Riềng vẫn kiên cường bám căn cứ, khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm từng lon gạo, hạt muối, tìm kiếm nguồn thức ăn khác, để dành lương thực cho cán bộ và chiến sĩ.

Đầu năm 1947, trong khi chờ viện binh để mở rộng chiến tranh trên toàn lãnh thổ Việt Nam, giặc Pháp phải rút bỏ một số đồn, bốt, điều phần lớn lực lượng ra ứng chiến ở miền Bắc. Tuy nhiên, trên chiến trường Nam Bộ, chúng vẫn ra sức đàn áp, khủng bố, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, nhằm dập tắt phong trào kháng chiến của quân dân ta.

Căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đề ra một loạt chủ trương nhằm đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của địch, đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Trong đó có nội dung đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, tiêu hao, tiêu diệt địch, chú trọng phục kích chống càn, đánh giao thông, diệt đồn bốt, đẩy mạnh công tác địch - nguy vận.

Tháng 7/1947, ông Ngô Văn Long được Ủy ban kháng chiến tỉnh Biên Hòa phân công lên vùng Bà Rá nắm tình hình và tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc. Cùng đi với ông Ngô Văn Long có một cán bộ là Lê Đình Ngũ và một liên lạc tên là Thái. Ban đầu, ông Long dựa vào những người buôn bán thường lên xuống vùng này để bắt liên lạc, trong đó có ông Năm Ty, ông Bro (là người dân tộc Khmer) và ông tổng Prai (người ở Bù Cháp). Qua các cuộc gặp gỡ,

tiếp xúc, ông Ngô Văn Long đã tạo được ấn tượng tốt đẹp với quần chúng trong vùng, từ đó tuyên truyền thuyết phục, cảm hóa một số người cảm tình đồng ý tham gia cách mạng.

Tháng 9/1947, Phòng Dân quân Nam Bộ được thành lập. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ chỉ thị cho các tỉnh thành lập Tỉnh đội bộ dân quân. Đồng chí Nguyễn Văn Tiết - Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được đề cử đảm nhiệm chức vụ Ủy viên dân quân Ủy ban kháng chiến hành chính kiêm Tỉnh đội trưởng dân quân. Lần lượt các huyện, xã đều thành lập huyện đội, xã đội bộ dân quân. Từ đây, phong trào dân quân của các địa phương phát triển nhanh chóng, tạo thành phong trào quần chúng sôi nổi. Với lực lượng dân quân ở cơ sở gồm dân quân tự vệ và dân quân du kích, ta đã bước đầu hình thành mạng lưới chiến tranh nhân dân rộng khắp. Dân quân được trang bị súng, lựu đạn, mìn tẩu và thường xuyên luyện tập. Do được tổ chức và huấn luyện chu đáo, đến cuối năm 1947, ở các quận Bù Đốp, Bà Rá, Lộc Ninh đã có các đội du kích hoạt động mạnh, hiệu quả.

Đến cuối năm 1947, Ủy ban kháng chiến hành chính trong vùng đồng bào dân tộc ở vùng Bà Rá - Phú Riềng được thành lập, gồm: Ông Bro làm Chủ tịch, ông Xơron làm Phó Chủ tịch và ông Lồng làm Thư ký. Sự ra đời của Ủy ban kháng chiến hành chính trong vùng đã làm cho một số cai tổng sợ hãi phải bỏ đi nơi khác như Thạch Tam ở tổng Bình Cách. Song đội công tác và các thành viên trong Ủy ban kháng chiến hành chính đã vận động được cai tổng Thạch Tam trở về tham gia cách mạng. Thạch Tam đã hứa đưa bà con, phần lớn là người Việt gốc Khmer, trong 7 sóc thuộc tổng Bình Cách trở về với cách mạng.

Tháng 12/1947, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ đề ra chủ trương tích cực xây dựng lực lượng du kích rộng khắp, nhất là ở

vùng tạm chiếm, tăng cường đánh phá giao thông địch, tổ chức bộ đội chủ lực khu làm lực lượng ứng chiến cho các vùng bị uy hiếp và phối hợp cùng lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh, bẻ gãy các cuộc càn quét của địch, tiêu hao sinh lực địch. Quán triệt chủ trương trên và để hỗ trợ thiết thực phong trào quần chúng ở các địa bàn đang gặp khó khăn đặc biệt, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một quyết định đưa một đơn vị bộ đội tỉnh về đứng chân ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp.

Để khắc phục khó khăn, quân cách mạng vừa chiến đấu, vừa tập trung lực lượng, từng bước thống nhất chỉ huy. Chính vì thế, lực lượng vũ trang của vùng và tiếp theo là lực lượng vũ trang ở từng địa phương dần thu về một mối và được tổ chức thống nhất từ trên xuống dưới. Điều này góp phần làm thay đổi cục diện chiến trường ở Đông Nam Bộ. Các đơn vị bộ đội địa phương cũng từng bước được xây dựng và củng cố. Lực lượng vũ trang các cấp dần đứng vững trước những hành động càn quét, đánh phá của địch và giáng những đòn nặng nề tiêu diệt sinh lực địch, tạo nên những thắng lợi to lớn.

Sau khi trở lại chiếm đóng, thực dân Pháp tăng cường đồn bót trên các địa bàn quan trọng và dọc trục đường từ Đồng Xoài đến quận lỵ Bà Rá. Tại Đồng Xoài, chúng thường xuyên duy trì hơn một đại đội cơ động ứng chiến cho các vùng xung quanh. Ở đồn điền Thuận Lợi có hơn một trung đội lính bảo vệ cho chủ sở. Ba làng công nhân đều có đồn bót và lính Marốc được trang bị đầy đủ súng đạn. Khu vực Phú Riềng - Thuận Lợi trở thành một căn cứ quân sự có nhiều đồn bót chung quanh, sẵn sàng chi viện và phối hợp với lực lượng ở vùng lân cận.

Từ Bà Rá, bộ máy chiến tranh của địch đẩy mạnh bình định trên tất cả các lĩnh vực. Về quân sự, chúng tăng thêm quân (lấy từ lực lượng mới bổ sung là 5 tiểu đoàn từ Bắc Bộ vào Sài Gòn), phát triển nguy binh, đóng thêm một số đồn bót

ở các khu vực trọng yếu, liên tục tổ chức càn quét mở rộng vùng tranh chấp. Về chính trị, chúng tổ chức gom dân về các khu vực chung quanh đồn bót địch (bấy giờ ta gọi là khu nô lệ), củng cố bộ máy ngục quyền tay sai, khuếch trương những tổ chức chính trị phản động, phát triển chiến tranh gián điệp. Về kinh tế, chúng tăng cường khai thác xuất khẩu cao su, mặt khác không chế ngăn chặn các nguồn vận chuyển tiếp tế và đánh phá hoạt động sản xuất của ta trong căn cứ. Về văn hóa, thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, dùng thủ đoạn truyền bá lối sống hưởng lạc để mua chuộc, lôi kéo cán bộ kháng chiến.

Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng loạt khu vực tranh chấp trên địa bàn tỉnh đã trở thành vùng tạm bị chiếm. Nhiều khu vực căn cứ bị biến thành vùng tranh chấp. Lực lượng dân quân du kích ở một số địa phương giảm xuống. Nhiều vùng trắng xuất hiện xung quanh Chiến khu Đ ngăn cách sự liên hệ giữa bộ đội với Nhân dân. Các ngã đường về chiến khu đều bị kiểm soát gắt gao. Công binh xưởng, nông trại sản xuất, trâu bò, cơ sở kho tàng trạm trại trong căn cứ bị thiệt hại nhiều do máy bay địch bắn phá và gián điệp phá hoại.

Đầu năm 1948, một đơn vị vũ trang tuyên truyền Bà Rá - Phước Long (đội công tác) được thành lập, gồm 20 người, thành phần phần lớn là anh em công nhân cao su, do đồng chí Nguyễn Đình Kính (Bảy Kính) phụ trách. Đội chia thành hai bộ phận: Một bộ phận công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và bộ phận còn lại hoạt động ở vùng các đồn điền cao su. Nhiệm vụ chung của đội là tuyên truyền, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở nắm tình hình phục vụ chiến đấu theo kiểu “vết dầu loang” (tức là xây dựng cơ sở xong ở chỗ này lại tiếp tục đi chỗ khác xây dựng). Đội đã chọn Xà Nạp là cơ sở đầu tiên để từ đó làm bàn đạp tiếp tục xây dựng ở các nơi khác như Tà Bàng, Tà Bái (thuộc Bình Long), lên Bù Ha (Đa Kia) và đi vào

các làng sở cao su: Thuận Lợi, Bù Nho, Đa Kia, Phú Riềng. Dần dần cơ sở phát triển ngày càng đông. Đầu năm 1948, Tỉnh ủy Biên Hòa tăng cường thêm cán bộ cho đội công tác, gồm các đồng chí: Huỳnh Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Bá, Tạ Quang Lộc lên vùng Mã Đà, An Linh, Cẩm Xô... Thông qua cơ sở, bộ phận của đồng chí Ngô Văn Long đã nắm và tổ chức thêm cơ sở trong đồng bào dân tộc thiểu số như chị Lầu, anh Lâm, anh Bảy, chị Năm Ngũ, chị Ba Cao, anh Sáu Chiến, ông Hồng, cô Sô, chú Sĩ...

Vào năm 1948, trong lần tên chủ sở đi xe đến sân bay Thuận Lợi để nhận tiếp tế gạo và thực phẩm, lực lượng của Ban công tác thôn 7 cùng công nhân Thuận Lợi đã phục kích giết chết hắn trên đường số 2 (nay là đường ĐT74). Những tên cai, xu, ác ôn trong đồn điền cũng bị ta diệt trừ hoặc giáo dục, cảnh cáo, vì thế thái độ của chúng đối với công nhân bớt hung hăng hơn.

Cơ sở cách mạng đã được tổ chức trong nhiều sóc gồm cả người Kinh lẫn đồng bào dân tộc thiểu số (trên dưới chục ngàn người). Số đảng viên cũng được phát triển thêm. Vì vậy, nhằm đáp ứng những nhu cầu phát triển của cách mạng, đội công tác đề nghị Tỉnh ủy Biên Hòa cho thành lập đơn vị huyện. Được Tỉnh ủy chuẩn y và ra quyết định công nhận, Huyện ủy đầu tiên ở vùng Bà Rá được thành lập là Huyện ủy Sông Bé. Ban Chấp hành Huyện ủy đầu tiên gồm các đồng chí: Ngô Văn Long (Bí danh Rạch Bé) làm Bí thư, Tạ Quang Lộc làm Phó Bí thư, các đồng chí: Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Văn Nghĩa, Lê Đình Ngũ làm Ủy viên. Cơ quan Huyện ủy đóng gần cánh đồng Chân Ra thuộc vùng Mã Đà.

Cùng lúc đó, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Sông Bé cũng được thành lập, gồm: đồng chí Ngô Văn Long làm Chủ tịch, đồng chí Bro và đồng chí Huỳnh Văn Đố (dân tộc Châu Ro)

làm Phó Chủ tịch, đồng chí Lê Đình Ngũ làm Thư ký, đồng chí Tạ Quang Lộc làm Ủy viên Quân sự.

Năm 1948, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ ra Chỉ thị xây dựng các trung đoàn bộ đội tập trung. Ngày 27/3/1948, Khu ủy Khu 7 họp hội nghị thảo luận việc xây dựng các trung đoàn trên địa bàn miền Đông Nam Bộ. Hội nghị quyết định trên cơ sở các chi đội có sẵn phát triển thành các trung đoàn. Địa bàn hoạt động của trung đoàn vẫn chủ yếu trong phạm vi của tỉnh và của huyện. Theo đó, Chi đội 10 Biên Hòa được tập trung xây dựng thành Trung đoàn 310. Ban Chỉ huy Trung đoàn gồm: Nguyễn Văn Lung - Trung đoàn trưởng, Nguyễn Văn Tư (Tư Râu) - Chính trị viên, Nguyễn Văn Quang (sau là Đinh Quang Ân) - Trung đoàn phó phụ trách tác chiến, Đào Văn Quang - Trung đoàn phó phụ trách quản trị. Biên chế trung đoàn gồm 3 tiểu đoàn bộ binh và 1 đại đội trợ chiến (được trang bị trọng liên 12,7mm và súng cối 82mm). Mỗi tiểu đoàn có 3 đại đội bộ binh và 1 trung đội trợ chiến (được trang bị đại liên và súng cối 60mm).

Trung đoàn 310 được thành lập đã biểu thị sự phát triển, thay đổi về chất, cơ cấu tổ chức, quy mô đơn vị và cả năng lực của cán bộ, chiến sĩ, tạo điều kiện để từng bước đưa trình độ xây dựng, tổ chức huấn luyện và chiến đấu của đơn vị ngày một cao hơn theo hướng chính quy.

Ở Bà Rá - Phước Long, Ban công tác liên thôn 7 phát triển thành Phân đội 10 huyện Sông Bé, trực thuộc Trung đoàn 310 của tỉnh Biên Hòa. Các hoạt động quân sự tiêu biểu nhất trong thời gian này là trận tiêu diệt tên Phó chủ sở gian ác thường trực tiếp đánh đập công nhân. Những tên xu, cai ác ôn làm tay sai cho chủ sở đều bị ta cảnh cáo.

Tháng 10/1948, Bộ Tư lệnh Nam Bộ được thành lập do Trung tướng Nguyễn Bình làm Tư lệnh. Cơ quan Tư lệnh bộ

các khu được chấn chỉnh thêm một bước, đổi tên thành Bộ Chỉ huy khu. Cơ quan Khu 7 do Huỳnh Văn Nghệ làm Tư lệnh chuyển về Chiến khu Đ. Tháng 11/1948, Hội nghị đại biểu tỉnh Thủ Dầu Một đã họp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Dư Khương - Bí thư Khu ủy miền Đông. Hội nghị kiểm điểm lại tình hình của toàn tỉnh tính từ đầu thời kỳ kháng chiến và đề ra nhiệm vụ quân sự trong năm 1949, những biện pháp và phương hướng thích hợp nhằm thúc đẩy phong trào kháng chiến của địa phương.

Năm 1949, Phân đội 10 Sông Bé thuộc Trung đoàn 310 tấn công đồn giặc ở Làng 3. Trận đánh tuy không thắng lợi trọn vẹn, nhưng làm cho bọn Pháp ở Phước Vĩnh đến Bà Rá sợ khiếp vía.

Ở trung tâm các đồn điền Thuận Lợi, Phú Riềng..., địch đã hình thành các chốt cụm để bung ra đánh phá, càn quét, gom dân cao su nhiều làng sở vào khu tập trung lớn. Thủ đoạn của thực dân Pháp gây cho cách mạng rất nhiều khó khăn. Đặc biệt, việc địch thường xuyên bung ra đánh phá từ các đồn bốt đã cản trở việc Nhân dân tập trung sản xuất, phục vụ kháng chiến. Hơn nữa, những hoạt động phá rối của chúng còn làm cho đời sống nhân dân không ổn định, một bộ phận có tâm lý chán nản, buông xuôi. Các cán bộ cách mạng dần bị tách khỏi dân; cách mạng mất đất, mất dân.

Trong năm 1949, Khu 7 lập ra Khoa quốc dân thiểu số do đồng chí Mười Thìn làm Khoa trưởng, đóng tại bến Cây Chanh. Nhiệm vụ của Khoa quốc dân thiểu số là tổ chức các lực lượng vũ trang để vũ trang tuyên truyền trong vùng đồng bào dân tộc, tổ chức đồng bào tham gia kháng chiến. Khoa quốc dân thiểu số chia thành 5 đội vũ trang tuyên truyền, quân số được rút từ các đại đội và tiểu đoàn của Trung đoàn 310, gồm những đồng chí có tinh thần chịu khó, chịu khổ, tích cực nhất. Khoa quốc dân

thiếu số đã cùng các Trung đoàn 301¹ và 310 thường xuyên hoạt động ở vùng phía đông và đông nam đường 14.

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1951-1954)

Mặc dù chịu nhiều tổn thất, nhưng Khoa quốc dân thiếu số đã tuyên truyền, giáo dục và giác ngộ đồng bào dân tộc vùng Bà Rá - Phước Long biết được âm mưu thâm độc của kẻ thù, từ đó tham gia các hoạt động chống Pháp. Nhiều buôn sóc đã trở thành căn cứ cách mạng.

Tháng 3/1950, du kích Đồng Xoài kết hợp với Đại đội 10 (Tiểu đoàn 903) đánh đồn Tà Bế gần Đồng Xoài, sau đó phối hợp với lực lượng vũ trang tuyên truyền huyện Sông Bé diệt đoàn xe vận tải của địch gồm 3 chiếc tại cống Bó Mua - Bàu Ké, thu được 2 xe tải và toàn bộ chiến lợi phẩm.

Cuối năm 1950, ở Làng 9 thuộc đồn điền cao su Thuận Lợi, Đại đội 3 của Tiểu đoàn 903 (Liên Trung đoàn 301-310) do đồng chí Tạ Minh Khâm chỉ huy tiến công một loạt các tháp canh, đồn bót của quân Pháp, diệt hai trung đội bảo an, thu toàn bộ vũ khí.

Tháng 9/1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới. Để phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, Bộ Tư lệnh Khu 7 mở chiến dịch Bến Cát. Đây là chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực ta trên chiến trường miền Đông. Các vùng từ Lộc Ninh, Hớn Quản, Thuận Lợi đến Đồng Xoài, Phước Vĩnh đều tích cực tham gia chuẩn bị mọi mặt cho chiến dịch. Mục đích của chiến dịch Bến Cát là cắt đứt giao thông đường số 7 và phần lớn đường 14 để mở rộng căn cứ, tiêu diệt

1. Trung đoàn 301 của tỉnh Thủ Dầu Một là 1 trong 10 trung đoàn (trong đó có Trung đoàn 310 của tỉnh Biên Hòa) được thành lập sau Hội nghị Khu ủy Khu 7 ngày 27/3/1948. Trung đoàn 301 và Trung đoàn 310 hợp thành Liên Trung đoàn 301-310.

sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta, đẩy mạnh chiến tranh du kích trong khu. Chiến dịch Bến Cát kết thúc thắng lợi (15/11/1950) đã củng cố lòng tin tưởng mạnh mẽ trong quân và dân toàn quân khu.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951), Trung ương Đảng chủ trương tổ chức lại chiến trường Nam Bộ gọn và mạnh, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Ta thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ¹. Trung ương Cục miền Nam chủ trương bố trí lại chiến trường Nam Bộ cho phù hợp với tình hình mới, quyết định bỏ các khu 7, 8 và 9; chia Nam Bộ làm hai Phân liên khu: Phân liên khu miền Đông và Phân liên khu miền Tây. Phân liên khu miền Đông gồm các tỉnh: Gia Định Ninh, Thủ Biên, Bà Chợ, Mỹ Tho và Long Châu Sa². Theo chủ trương này, tháng 5/1951, tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hòa sáp nhập lại thành tỉnh Thủ Biên (địa bàn Bà Rịa, Phước Long thuộc tỉnh Thủ Biên). Thủ Biên có diện tích lớn với một vùng cao su rộng, chiếm đến 2/3 diện tích các đồn điền cao su ở miền Đông; là nơi có địa hình rừng núi hiểm trở khiến địch khó bình định, kiểm soát; và cũng là nơi có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng (đường 13, đường 14), có đồng bào dân tộc thiểu số tập trung đông.

Các tỉnh miền Đông chịu sự chỉ đạo thông qua cấp ủy đảng, chính quyền và Bộ Tư lệnh phân liên khu. Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Thủ Biên được chỉ định gồm 21 đồng chí,

1. Từ năm 1951, Trung ương Cục miền Nam ra đời, thay cho Xứ ủy Nam Bộ có từ năm 1946.

2. Gia Định Ninh gồm các tỉnh: Gia Định, Tây Ninh và huyện Đức Hòa, Trung Huyện khu Đông Thành (thuộc Chợ Lớn cũ); Thủ Biên gồm: Thủ Dầu Một, Biên Hòa và huyện Thủ Đức (thuộc Gia Định cũ); Bà Chợ gồm: Bà Rịa, Chợ Lớn và huyện Long Thành (thuộc Biên Hòa), huyện Nhà Bè (thuộc Gia Định); Long Châu Sa gồm: Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc.

Ban Thường vụ gồm: Nguyễn Quang Việt (Bí thư), Phạm Thuận (Phó Bí thư phụ trách dân vận), Vũ Duy Hanh (Phó Bí thư phụ trách tuyên huấn), Huỳnh Văn Nghệ, Lê Thái (Ủy viên).

Trong thời gian này, Bộ Tư lệnh Nam Bộ giải thể Liên trung đoàn 301-310, thành lập Tiểu đoàn 303 là tiểu đoàn tập trung cơ động đầu tiên của tỉnh Thủ Biên. Đây là một tiểu đoàn chính quy với 764 cán bộ, chiến sĩ được trang bị vũ khí tương đối đầy đủ và có nhiều kinh nghiệm đánh vận động do đồng chí Lê Văn Ngọc, sau đó là đồng chí Thanh Tám làm Tiểu đoàn trưởng. Tiểu đoàn 303 có ba đại đội bộ binh (55, 60, 65), đại đội trợ chiến (70) và đại đội trinh sát - đặc công. Ngoài ra, cấp trên còn tăng cường cho Thủ Biên 4 đội vũ trang tuyên truyền, hoạt động trên địa bàn bắc Thủ Dầu Một, Biên Hòa: Một đội do đồng chí Kính chỉ huy, hoạt động ở phía bắc Hớn Quản, Lộc Ninh; một đội do đồng chí Cường chỉ huy, hoạt động ở nam Hớn Quản, Lộc Ninh; một đội do đồng chí Thân chỉ huy, hoạt động ở phía tây đường 13, phía đông sông Sài Gòn; một đội do đồng chí Hóa chỉ huy, đứng chân ở sóc Con Trăn, phía tây sông Sài Gòn, hoạt động lên sát biên giới Campuchia. Bốn đơn vị vũ trang làm nhiệm vụ khác nhau: Hai đội vũ trang tuyên truyền hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hai đội du kích tập trung hoạt động trong các làng, sở cao su.

Từ giữa năm 1951, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông chỉ thị mỗi tỉnh phải xây dựng một đội vũ trang tuyên truyền hoạt động ở vùng đồn điền cao su và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thành phần gồm bộ đội, công an, chính quyền địa phương, Công đoàn, Mặt trận Liên Việt; đồng thời phát triển làng xã chiến đấu. Theo đó, tỉnh Thủ Biên có 458 du kích xã, 942 du kích tham gia lại, 832 du kích mật¹.

1. Yves Gras: *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nxb. Plon, Paris, 1979 (bản dịch của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 1982, tr.85).

Ngày 05/9/1951, đoàn của đồng chí Ba Phú là 1 trong 5 đội vũ trang tuyên truyền của Khoa quốc dân thiếu số được giao nhiệm vụ xuất phát từ bến Cây Chanh bắt liên lạc với 2 tiểu đoàn Nhật đóng trên núi Tà Lùng để thuyết phục giao vũ khí và hỗ trợ lương thực cho ta, nhưng không gặp. Đến 5 giờ chiều ngày 06/9/1951, khi đội quay về thì bị địch tập kích, ta hy sinh 19/21 đồng chí.

Khi sáp nhập tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên, hai Tỉnh đội bộ dân quân Thủ Dầu Một và Biên Hòa cũng sáp nhập thành Tỉnh đội Thủ Biên do Huỳnh Văn Nghệ là Tỉnh đội trưởng; Nguyễn Văn Tự, Đinh Quang Ân, Tùng Lâm là các Tỉnh đội phó; Nguyễn Quang Việt là Chính trị viên, Lê Hồng Lĩnh là Phó Chính trị viên; Bùi Cát Vũ là Tham mưu trưởng. Ngoài Tiểu đoàn tập trung cơ động 303, Tỉnh đội còn có một đội biệt động làm nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan của tỉnh và một đội trinh sát nắm tình hình địch, một đại đội pháo binh và bốn đại đội bảo vệ giao thông.

Ở huyện Bà Rịa, các đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Nguyễn Đình Kính (Bảy Kính) phụ trách và đội vũ trang tuyên truyền Sông Bé do Trần Liên Xô và Hoàn Minh Chánh phụ trách hoạt động. Các đơn vị vũ trang tuyên truyền này kết hợp chặt chẽ với công nhân để nắm tình hình hoạt động của địch, xây dựng cơ sở cách mạng và hoạt động vũ trang. Tại Làng 2, đồn điền Thuận Lợi, đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong công nhân như anh Mùi, anh Thôn, chị Đề, bà Cốc,...

Năm 1952, tướng Bôngđi (Bondis) thay Săngxông (Chanson) làm Tư lệnh quân Pháp ở Nam Bộ, tiếp tục thực hiện chính sách “Bình định gấp rút, phản công quyết liệt”. Địch tập trung bao vây lấn chiếm vào khu căn cứ, kiểm soát các vùng du kích và nỗ lực “bình định” vùng chiếm đóng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Thủ Biên chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên phải trở về địa phương xây dựng cơ sở, dựa vào cơ sở để công tác. Lực lượng vũ trang được tổ chức gọn nhẹ hơn. Một số cán bộ, chiến sĩ được bổ sung, tăng cường cho lực lượng tỉnh hoặc các huyện khác. Quán triệt phương châm “du kích chiến là chính, học tập đánh vận động trong điều kiện thuận lợi”, Nghị quyết quân sự của tỉnh đề ra nhiệm vụ cụ thể nhằm chống lại địch chiếm đóng sâu, đánh phá vùng giải phóng, căn cứ địa và giành giật sức người, sức của với địch.

Cùng với việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị theo phương châm “tinh binh, tinh cán”, Bộ Tư lệnh Phân liên khu còn chỉ đạo lực lượng vũ trang đẩy mạnh các hoạt động tác chiến, tiêu hao sinh lực địch, phá thế bao vây, lấy vũ khí địch trang bị cho bộ đội ta.

Mùa thu năm 1952, phong trào chiến tranh nhân dân phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh. Hệ thống các cơ quan dân, chính, đảng thực hiện việc đưa cán bộ xuống cơ sở, các đơn vị trực tiếp chiến đấu và sản xuất. Các tổ chức kháng chiến ở vùng tạm chiếm, các cơ sở ở vùng địch hậu được củng cố một bước.

Tháng 9/1952, Tỉnh đội thành lập Ban dân quân chuyên trách chỉ đạo phong trào dân quân du kích trong toàn tỉnh Thủ Biên. Lúc này, du kích các xã vùng giải phóng và vùng du kích vừa phối hợp tác chiến với bộ đội vừa độc lập tác chiến đánh nhỏ lẻ tiêu hao địch. Dân quân du kích các xã dùng mìn, lựu đạn bao vây các bốt, các ngã đường giao thông, phá đường sá, cầu cống, hạn chế giao thông địch.

Tháng 9 và 10/1952, một trận lũ lụt lớn xảy ra ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, gây thiệt hại nghiêm trọng đến mùa màng và tài sản của Nhân dân. Nước dâng lên như biển mênh mông trên cả một vùng dân cư rộng lớn dọc theo các con sông

Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn..., nhà cửa bị cuốn trôi; gia súc, gia cầm bị chết; mùa màng, hoa màu bị nhấn chìm trong biển nước, kho tàng dự trữ bị tàn phá, hư hại¹... Lợi dụng tình hình đó, địch đẩy mạnh thêm các thủ đoạn tiến công phá hoại, bao vây kinh tế, dụ dỗ, mua chuộc cán bộ kháng chiến ra đầu thú, tuyên truyền, lôi kéo dân bỏ vùng chiến khu về vùng tạm chiếm, đồng thời mở hàng loạt trận càn quét lớn vào khu căn cứ và vùng tranh chấp, làm cho lực lượng cách mạng đã gặp khó khăn lại càng khó khăn hơn.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thủ Biên, lực lượng vũ trang Bà Rá tích cực tham gia sản xuất, nước rút đến đâu, các loại cây hoa màu ngắn ngày (như khoai, bắp...) được trồng ngay đến đó. Do đó, đến tháng 02/1953, nạn đói tạm thời được đẩy lùi, đời sống của cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân dần ổn định trở lại.

Trong năm 1952, Phân liên khu miền Đông sáp nhập Khoa quốc dân thiếu số và các đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh tổ chức thành từng đội công tác đi về các vùng đồng bào dân tộc thiểu số làm nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục, tập hợp đồng bào tham gia kháng chiến, bảo vệ buôn, sóc, cán bộ, chống địch càn quét... Nhiều đồng bào đã không quản khó khăn, nguy hiểm để ủng hộ sức người, sức của cho cách mạng như ông K'Riêng ở Bù Koh, ông Đinh Phồng ở Bù Rưng, ông Diên ở Bù Tôn... Tại hầu khắp vùng Bù Na cho đến thượng nguồn

1. Theo đánh giá sơ bộ của Trung ương Cục, cơn bão đã làm tỉnh Thủ Biên thiệt hại 80% mùa màng. Riêng với lực lượng kháng chiến, dự kiến thu hoạch vụ mùa được 300.000 gạ lúa, nhưng sau cơn bão chỉ thu được 12.000 gạ, thiệt hại đến 96%. Nếu tính cả tỉnh Thủ Biên, vụ mùa dự kiến thu hoạch là 11.000.000 gạ lúa, nhưng sau cơn bão chỉ thu hoạch được 400.000 gạ, thiệt hại đến 96,5% (Theo Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước: *Địa chí Bình Phước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.392).

sông Đồng Nai, các đội vũ trang tuyên truyền đều hình thành được cơ sở cách mạng ở các buôn, sóc như Bù Ka Rá, Bù Klôn, Đăk Có, Bù Trạch, Bù Khiu, Ban Ranh, Bù Tĩnh, Bù Nard.

Ở Bà Rá - Phước Long, cuối năm 1952, Tiểu đoàn 303 tiến công diệt bót Thuận Lợi, thu được hàng chục xe lương thực, thực phẩm, góp phần giải quyết nạn đói. Đến giữa năm 1953, các tỉnh miền Đông được mùa lớn, nạn đói về cơ bản được đẩy lùi.

Đến đầu năm 1953, ở hầu khắp các huyện, lực lượng vũ trang tuyên truyền đều được củng cố lại và tỏa đi diệt ác, trừ gian, xây dựng lại cơ sở. Đến giữa năm 1953, một vùng căn cứ liên hoàn giữa các huyện Bà Rá - Hớn Quản - Tân Uyên được hình thành. Từ tháng 9/1953 đến tháng 3/1954, toàn tỉnh Thủ Biên đã tổ chức được 32 đội du kích tập trung cấp xã, gồm 513 người; dân quân tự vệ tăng nhanh chóng, từ 453 lên tới 1.826 người; du kích mật tăng từ 219 lên 527 người. Trên địa bàn Phú Riềng - Bà Rá - Phước Long đã phát triển nhiều đội du kích và dân quân tự vệ. Lực lượng này cùng với bộ đội tỉnh, huyện thực hiện nhiều trận phục kích, đánh nhỏ lẻ, tiêu hao lực lượng và gây cho quân địch nhiều hoang mang trên đường 13, đường 14.

Cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh du kích, tại các vùng địch tạm chiếm, các đồn điền cao su, công tác vũ trang tuyên truyền tiếp tục là một mũi tấn công quan trọng. Các hoạt động diệt ác, trừ gian, vận động binh sĩ ngụy trở về với gia đình, vận động thanh niên tham gia kháng chiến, chống địch gom dân, bắt lính, bắt xâu... đã làm cho khí thế cách mạng ở các vùng tạm chiếm luôn sôi sục. Các cuộc đấu tranh chống nộp thuế, chống chủ Tây đánh đập công nhân, đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi ngày làm việc 8 giờ... ở đồn điền Đa Kia, Phú Riềng thu được những thắng lợi bước đầu.

Từ tháng 10/1953, thực hiện chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, quân ta mở những cuộc tiến công lớn vào những hướng chiến lược, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng, bước đầu làm phá sản kế hoạch của Nava (Navarre)¹. Phối hợp cùng quân dân cả nước, lực lượng vũ trang địa phương cùng với du kích ở Bà Rá, Phước Long tổ chức nhiều trận đánh trên đường 13, đường 14, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều quân địch, phá hủy nhiều xe quân sự.

Ngày 07/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Pháp phải rút quân khỏi Việt Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ, gian khổ và anh dũng của dân tộc ta. Thi hành Hiệp định Giơnevơ, toàn bộ các hoạt động vũ trang được đình lại. Chiến trường đã im tiếng súng, Nhân dân vui mừng phấn khởi, cờ đỏ sao vàng, băng rôn khẩu hiệu “Hoan hô độc lập muôn năm”... ngập tràn khắp nơi.

Sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trong những năm 1950-1954, khi chiến trường chính Bắc Bộ ngày càng sôi động với nhiều chiến dịch tấn công quân sự, thì ở Nam Bộ cũng dần phát triển phong trào quần chúng vùng sau lưng địch. Miền Đông Nam Bộ nói chung, vùng Bà Rá - Phú Riềng nói riêng đã từng bước gây dựng, củng cố lực lượng cách mạng. Chiến thắng Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu” đã buộc thực dân Pháp phải

1. Chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng vũ trang Thủ Biên đã tham gia đánh 137 trận lớn nhỏ, các đội vũ trang tuyên truyền đột nhập 147 lần vào vùng tạm chiến để trừ gian, diệt ác. Trong thời gian này, lực lượng vũ trang tỉnh đã tiêu diệt 1.148 tên địch, làm bị thương 194 tên, bắt sống 11 tên, thu 186 súng các loại, phá hủy 9 xe (có 1 đầu máy xe lửa và 5 xe tăng), đánh sập 3 bót, 5 tháp canh, bức rút 25 tháp canh khác... Trong đợt hoạt động này, 50 cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh, 37 người bị thương và 17 người khác bị địch bắt (Theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sông Bé: *Sông Bé - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1990, tr.171).

ngồi vào bàn đàm phán để ký kết Hiệp định Giơnevơ kết thúc chiến tranh xâm lược, nhưng chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ lại xuất hiện và âm mưu tiến hành chiến tranh tại miền Nam Việt Nam. Một cuộc kháng chiến trường kỳ nữa của dân tộc ta lại bắt đầu ngay sau Hiệp định Giơnevơ (20/7/1954).

Lịch sử vùng đất Phú Riềng - Phước Long - Trán Biên đến giữa thế kỷ XX đã trải qua mấy trăm năm, đã phát triển và hình thành địa danh Phước Long - Biên Hòa, rồi Bà Rá, Phước Long, Hớn Quản, Phú Riềng... Nhưng phải đến sau Hiệp định Giơnevơ (1954), khi cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới xuất hiện và đất nước bị chia cắt, miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương vững chắc cho miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, thì các địa phương như Phú Riềng mới thực sự đi vào lịch sử hào hùng của mảnh đất miền Đông “gian lao mà anh dũng”.

Bà Rá - Phước Long, trong đó có Phú Riềng, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ có một vị trí chiến lược quan trọng khi án ngữ biên giới đối với toàn bộ vùng miền Đông Nam Bộ - chiến trường ác liệt và quyết định của cuộc chiến tranh. Địa bàn Phú Riềng gồm nhiều xã thôn, buôn, sóc liên tục thay đổi về địa giới hành chính theo yêu cầu chỉ đạo của kháng chiến. Trong quá trình ấy, thực lực cách mạng được hình thành, nhiều nơi trên địa bàn Phú Riềng đã trở thành căn cứ, bàn đạp của lực lượng cách mạng và ngày một phát triển.

Chương II

PHÚ RIỀNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO ĐẤU TRANH (1954-1965)

1. Đấu tranh chống chính sách “tố cộng, diệt cộng” của Mỹ, bảo vệ Đảng, bảo vệ phong trào cách mạng (1954-1960)

Hiệp định Giơnevơ được ký kết ngày 20/7/1954, hòa bình lập lại, đất nước tạm thời bị chia thành hai miền, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất đất nước.

Trong khi chờ tổng tuyển cử, toàn quân và toàn dân ta chấp hành nghiêm chỉnh những điều khoản đã ký trong Hiệp định. Nhưng ngược lại, với dã tâm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành “pháo đài chống cộng sản” ở Đông Nam Á, chia cắt vĩnh viễn hai miền Nam - Bắc nước ta, đế quốc Mỹ đã thay thế thực dân Pháp, chính thức can thiệp vào miền Nam Việt Nam.

Tháng 6/1954, đế quốc Mỹ âm mưu đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam lập nên chính phủ bù nhìn, phá hoại Hiệp định, tiến hành chiến tranh một phía, đàn áp Nhân dân nhằm

tiêu diệt cách mạng miền Nam và xóa bỏ ảnh hưởng của Đảng ta. Mỹ - Diệm thiết lập chế độ độc tài phátxít, thực hiện chính sách tố cộng, diệt cộng, chính sách cải cách điền địa, lập các khu dinh điền...

Theo tinh thần của Hiệp định Giơnevơ, các đơn vị vũ trang trên địa bàn Đông Nam Bộ sẽ tập trung tại Hàm Tân - Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn) để chuyển quân tập kết ra Bắc trong thời hạn 80 ngày, kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Do vậy, các đơn vị bộ đội, các đội vũ trang công tác, vũ trang tuyên truyền hoạt động ở vùng Bà Rịa - Phước Long lần lượt rút về Chiến khu Đ chuẩn bị tập kết. Để giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự, các ban tự quản, đội dân phòng được quần chúng nhân dân tổ chức ở hầu hết các xã, ấp trên địa bàn Bà Rịa - Phước Long (lúc này thuộc tỉnh Thủ Biên).

Tuy nhiên, việc chuyển quân tập kết cũng khiến lực lượng cách mạng bị giảm sút đáng kể. Những nơi có cơ sở, có phong trào cũng chỉ còn lại tổ chức Đoàn Thanh niên Lao động tồn tại bên cạnh tổ chức đảng; các đoàn thể cách mạng khác như Mặt trận Liên Việt, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc... đều giải thể. Trước tình hình đó, công tác củng cố cơ sở đảng và lực lượng quần chúng cho phù hợp với nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức đấu tranh chính trị được đặt ra hết sức khẩn trương.

Phú Riêng thời gian này thuộc huyện Sông Bé, được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thủ Biên. Trong khi đó, theo cơ cấu hành chính của chính quyền Sài Gòn, địa bàn này thuộc quận Bà Rịa, tỉnh Biên Hòa. Cơ sở cách mạng thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp chủ yếu được xây dựng trong các đồn điền cao su, các làng công nhân và một số làng nông thôn người Kinh. Trong vùng đồng bào dân tộc, trừ vùng Bù Cháp, Lý Lịch có chi bộ đảng và cơ sở quần chúng

khá mạnh, ở các nơi khác cơ sở còn mỏng, chỉ có đảng viên hoạt động đơn tuyến.

Ở vùng rừng núi Biên Hòa, Tỉnh ủy Thủ Biên quyết định giải thể huyện Sông Bé, đồng thời bố trí ở lại hoạt động trong vùng Lý Lịch, Bù Cháp, Bù Nho, Bù Na, Tân Thuận và khu vực dọc đường 14 hướng từ Đồng Xoài lên Bù Đăng các đồng chí Ba Phú, Ba Thiều, Ba Đấu, Ba Tuyên, Hảo, Lộc,... Các đồng chí này phải sống trong điều kiện hết sức khó khăn để bám địa bàn, gây dựng cơ sở cách mạng. Có những đồng chí phải cà răng, căng tai theo phong tục của đồng bào dân tộc để tiện hoạt động. Trong đó, các đồng chí Sáu Hải, Ba Hỷ, Hai Thuấn, Tư Huệ,... được phân công hoạt động trên các địa bàn Phước Long, Phú Riềng, Bù Đăng, Đồng Xoài..., đã tập trung vận động cách mạng trong vùng có đông công nhân và đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiệm vụ trước mắt về tổ chức của nhóm nòng cốt trên là xây dựng chi bộ đảng tại chỗ, trước hết là ở những nơi đã có cơ sở cách mạng.

Trong năm 1956, có 3 chi bộ được thành lập do Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức. Đó là:

Chi bộ 1 ở Tân Thuận - Bù Ka do đồng chí Ba Phú làm Bí thư. Chi bộ gồm các đồng chí Hai Lập, Sáu Hải, Ba Hỷ, Tư Quý, Tư Đệ. Chi bộ này phát triển mạnh trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Chi bộ 2 ở Thuận Lợi, Phú Riềng do đồng chí Ba Đấu làm Bí thư. Chi bộ gồm đồng chí Hai Tuấn và 2 đồng chí ở Làng 2 và Làng 9 của sở Cao su. Chi bộ này phát triển mạnh trong công nhân cao su.

Chi bộ 3 ở sở Bù Ka do đồng chí Ba Tuyên làm Bí thư. Chi bộ có các đồng chí Hai Lạc, Sáu Xê, Bảy Hát. Các đảng viên đã vận động và hướng dẫn đồng bào dân tộc thiểu số đấu tranh,

sau đó mở rộng phong trào vào vùng đồng bào người Kinh ở Phú Riềng, Bù Nho, Thuận Lợi,...

Tháng 7/1956, Ngô Đình Diệm chính thức lên nắm chính quyền, công khai tuyên bố “không hiệp thương tổng tuyển cử”, đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, đặt miền Nam Việt Nam trong tình trạng chiến tranh,... Mặt khác, chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường bắt lính, đôn quân, hô hào “chuẩn bị lấp sông Bến Hải, chuẩn bị Bắc tiến”, đẩy mạnh chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, thẳng tay mở những cuộc “khủng bố trắng” khắp nơi. Chúng sử dụng toàn bộ Sư đoàn 5, hai trung đoàn độc lập cùng với bộ máy kìm kẹp, hệ thống ngục quyền, tề điệp, mật vụ tay sai để mở chiến dịch Trương Tấn Bửu, càn quét vùng nông thôn, vùng căn cứ, đặc biệt là các đồn điền cao su, coi đây là trọng điểm của chiến dịch.

Kết hợp với đánh phá quân sự, trên các đường giao thông, địch lập những trại gác, bố trí bọn phản động đầu hàng chỉ điểm nhận dạng cán bộ cách mạng đi lại hoạt động. Ở xóm, ấp, sóc, làng, xã, bọn công dân vụ, mật vụ, tề điệp sục sạo khắp nơi để phát hiện cán bộ ta ẩn náu trong dân. Ở những vùng kháng chiến cũ, vùng tiếp giáp các làng công nhân cao su, địch liên tục xua quân chà đi xát lại nhiều lần. Đến đâu chúng cũng gom dân lại để tuyên truyền chiến tranh tâm lý, vu khống cách mạng, nói xấu cán bộ, đảng viên, xuyên tạc cộng sản, v.v..

Để thực hiện âm mưu bao vây, xé lẻ, tiến đến tiêu diệt căn cứ kháng chiến của ta, đồng thời nắm chắc vùng rừng núi nối liền Đông Nam Bộ với Nam Tây Nguyên - một địa bàn chiến lược án ngữ phía bắc Sài Gòn, ngày 22/10/1956, Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh số 143/NV thay đổi địa giới các tỉnh. Theo đó, tách tỉnh Biên Hòa thành tỉnh Biên Hòa, Long Khánh và Phước Long (gồm phần còn lại cùng với một phần tỉnh Thủ Dầu Một). Đến năm 1961, tỉnh Phước Long gồm các quận Phước Bình,